



CHIS 2023
Adolescent Vietnamese CAWI Questionnaire
(Self-administered)
Version 3.02
August 29, 2024
(Adolescent Respondents Ages 12-17)

Collaborating Agencies:

- UCLA Center for Health Policy Research
- California Department of Health Care Services
- California Department of Public Health

Contact:

California Health Interview Survey
UCLA Center for Health Policy Research
10960 Wilshire Blvd, Suite 1550 Los Angeles, CA 90024
Telephone: (866) 275-2447
Fax: (310) 794-2686
Email: chis@ucla.edu
Web: www.chis.ucla.edu

Guide to Questionnaire Formatting

The following are from the 2021 CHIS Teen questionnaire, slightly modified and in no given order.

Legend (each item is identified only once)

Programming note	Defines a skip pattern or text display for the subsequent question(s).
QID	Designates location of question, i.e. 'QT23_A1': Teen questionnaire, Section A, question #1. The question # in the QID denotes question order. This may vary between survey cycles.
Var ID	Unique ID of each question. This generally stays the same between survey cycles. This variable name correlates with the name found in the data file.
Lowercase text	On CATI, this text is read to the respondent.
Uppercase text	On CATI, this text is NOT read to the respondent.
If Needed statement	On CATI, this text is only read if interview deems it helpful for respondent.
Interviewer Note	On CATI, this serves as additional instruction for the interviewer and is not read at loud.
Range	On CATI, this text is not read. SR: indicates soft range- allowable entry but will prompt verification message. HR: indicates hard range- not an allowable entry.
Skip note	Defines skip patterns dependent on the responses of the preceding question(s).
Dynamic text	{...} and (...) Denotes that text is automatically filled based on previous responses.

PROGRAMMING NOTE 'QT23_A1' :
SET TADATE = CURRENT DATE (YYYYMMDD)

'QT23_A1' [TA1] - What is your date of birth?

_____ MONTH [RANGE: 1-12]

- 1 JANUARY
- 2 FEBRUARY
- 3 MARCH
- 4 APRIL
- 5 MAY
- 6 JUNE
- 7 JULY
- 8 AUGUST
- 9 SEPTEMBER
- 10 OCTOBER
- 11 NOVEMBER
- 12 DECEMBER

_____ DAY [RANGE: 1-31]

_____ YEAR [RANGE: 2006-2009]

- 7 REFUSED
- 8 DON'T KNOW

'QT23_A10' [TA4B] - What is the name of the school you go to or last attended?

[IF NEEDED, ASK: "Is that an elementary, middle, junior high, or high school?"]

[INTERVIEWER NOTE: RECORD VERBATIM]

_____ NAME OF SCHOOL

- 7 REFUSED
- 8 DON'T KNOW

_____ TYPE OF SCHOOL

- 0 TEEN NOT IN SCHOOL
- 1 ELEMENTARY
- 2 INTERMEDIATE
- 3 JUNIOR HIGH
- 4 MIDDLE SCHOOL
- 5 HIGH SCHOOL
- 6 SENIOR HIGH SCHOOL
- 7 CONTINUATION
- 8 CHARTER SCHOOL
- 91 OTHER (SPECIFY: _____)
- 7 REFUSED
- 8 DON'T KNOW

'TB52' [TB52]- {Other than during pregnancy, has/Has} a doctor ever told you that you have diabetes or sugar diabetes?

- 1 YES
- 2 NO
- 3 BORDERLINE OR PRE-DIABETES
- 7 REFUSED
- 8 DON'T KNOW

If= 2, 3, -7,-8 goto 'QT23_C3'

Table of Contents

SECTION A: DEMOGRAPHICS PART I AND CIVIC ENGAGEMENT	6
Age	6
Gender Identity	8
School Attendance	9
Name of School	10
SECTION B: HEALTH STATUS AND HEALTH CONDITIONS	11
General Health	11
Height and Weight	11
Missed School Days	12
Asthma	12
SECTION CV: COVID-19	16
SECTION C: DIET, NUTRITION, AND FOOD ENVIRONMENT	17
Dietary Intake	17
SECTION D: PHYSICAL ACTIVITY	18
Park and Neighborhood Safety	18
Social Cohesion	18
Hate Incident	20
SECTION E: CIGARETTE, ALCOHOL, AND DRUG USE	25
Cigarette Use	26
E-Cigarette Use	27
Alcohol Use/Abuse	28
Marijuana Use	29
SECTION F: MENTAL HEALTH	35
K6 Mental Health Assessment	35
Repeated K6	36
Telehealth	39
Delays in Mental Health Care	40
Climate Change	42
SECTION G: SEXUAL BEHAVIORS	43
Pre-Exposure Prophylaxis	48
HIV Testing	49
SECTION H: HEALTH CARE UTILIZATION AND ACCESS	51
Usual Source of Care	51
Emergency Room Visits	51
Visits to Medical Doctor	51
Personal Doctor	52
Care Coordination	53
Delays in Care	53
Dental Health	56
SECTION J: DEMOGRAPHIC INFORMATION PART II	58

Race/Ethnicity.....	58
Country of Birth.....	65
Citizenship, Immigration Status, Years in the US	65
Language Spoken at Home.....	66
SECTION Q: ADVERSE CHILDHOOD EXPERIENCES	68
Past ACEs Assessment	68
ACES Screener	69
Positive Childhood Experiences.....	71
SECTION K: SUICIDE IDEATION AND ATTEMPTS	74
SECTION L: CIVIC ENGAGEMENT AND RESILIENCY.....	76
Community Involvement.....	76
Voting Attitudes	77
SECTION M: CLOSING	79
Follow Up and Close	79
SUICIDE RESOURCE 2:	79

NOTE: Please consult the CHIS 2021 Data Dictionaries for additional information on variables, the population universe answering a specific question, and data file content.

SECTION A: DEMOGRAPHICS PART I AND CIVIC ENGAGEMENT

Age

PROGRAMMING NOTE 'QT23_A1' :
SET TADATE = CURRENT DATE (YYYYMMDD)

'QT23_A1' What is your date of birth?

Ngày sinh của quý vị là ngày nào?

TA1

- January 1
- Tháng 1
- February 2
- Tháng 2
- March 3
- Tháng 3
- April 4
- Tháng 4
- May 5
- Tháng 5
- June 6
- Tháng 6
- July 7
- Tháng 7
- August 8
- Tháng 8
- September 9
- Tháng 9
- October 10
- Tháng 10
- November 11
- Tháng 11
- December 12
- Tháng 12
- REFUSED/DON'T KNOW-3

_____ Day [Range: 1-31]

_____ Ngày

- REFUSED/DON'T KNOW-3

_____ Year [Range: 2006-2011]

_____ Năm

- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_A2' :
IF 'QT23_A1' = -3, CONTINUE WITH 'QT23_A2' ;
ELSE GO TO 'TA20'

'QT23_A2' What month and year were you born?

Quý vị sinh vào tháng nào và năm nào?

TA1A

- January 1
- Tháng 1
- February 2
- Tháng 2

- March 3
- Tháng 3
- April 4
- Tháng 4
- May 5
- Tháng 5
- June 6
- Tháng 6
- July 7
- Tháng 7
- August 8
- Tháng 8
- September 9
- Tháng 9
- October 10
- Tháng 10
- November 11
- Tháng 11
- December 12
- Tháng 12
- REFUSED/DON'T KNOW-3

_____ Year [Range: 2006-2011]
_____ Năm

PROGRAMMING NOTE 'QT23_A3' :

'QT23_A2' BIRTH MONTH= INTERVIEW MONTH AND (INTERVIEW YEAR- 'QT23_A2' BIRTH YEAR= 12 OR 17), CONTINUE WITH 'QT23_A3';
ELSE IF 'QT23_A2' = -3, CONTINUE WITH 'QT23_A3' ;
ELSE GO TO 'TA20'

'QT23_A3' How old are you?

Quý vị sinh vào tháng nào và năm nào?

TA2

_____ Years of age [SR: 12-17]
_____ Năm

REFUSED/DON'T KNOW-3

POST-NOTE 'QT23_A3' :

IF 'QT23_A1' AND 'QT23_A3' ARE NOT KNOWN, USE CHILD ROSTER AGE (ENUM.AGE);
IF TEENAGE is less than 12 OR TEENAGE greater than 17, THEN TERMINATE INTERVIEW AND CODE INELIGIBLE (IT)

Gender Identity

'QT23_A4' What sex were you assigned at birth on your original birth certificate?

Giới tính của bạn được ghi khi sinh trên giấy khai sinh gốc là gì?

TA20B

- Female.....2
- Nữ
- Male1
- Nam
- Don't know3
- Không biết
- Prefer not to answer9
- Không muốn trả lời

'QT23_A5' What is your current gender?

Giới tính hiện tại của bạn là gì?

TA21B

- Female.....2
- Nữ
- Male1
- Nam
- Transgender3
- Người chuyển giới
- Non binary5
- Phi nhị nguyên giới
- I use a different term (____)7
- Tôi sử dụng một thuật ngữ khác (____)
- Don't know8
- Không biết
- Prefer not to answer9
- Không muốn trả lời
- REFUSED

PROGRAMMING NOTE 'QT23_A6':

IF ['QT23_A4' = 1 (MALE AT BIRTH) AND 'QT23_A5' = 2, 3, 5, 7] OR ['QT23_A4' = 2 (FEMALE AT BIRTH) AND 'QT23_A5' = 1, 3, 5, 7] THEN CONTINUE WITH 'QT23_A6';
ELSE SKIP to 'QT23_A7'

'QT23_A6' Just to confirm, {you were/[child's name] was} assigned {INSERT RESPONSE FROM TA20B} at birth and now describe {yourself/themself} as {INSERT ALL RESPONSES FROM TA21B}. Is that correct?

Chỉ để xác nhận, {bạn/[tên của trẻ] đã được} ghi {CHÈN CÂU TRẢ LỜI TỪ TA20} khi sinh và bây giờ mô tả {bản thân bạn/bản thân của trẻ} là {CHÈN TẤT CẢ CÂU TRẢ LỜI TỪ TA21}. Điều đó có chính xác không?

TA23

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_A7' Which of the following best represents how you think of yourself? [Select ONE]

Điều nào sau đây thể hiện đúng nhất cách quý vị nghĩ về bản thân? [Chọn MỘT lựa chọn]

TA24

- Lesbian or Gay 2
- Đồng tính nữ hay đồng tính nam
- Straight, that is, not lesbian or gay 1
- Dị tính, không phải đồng tính nữ hoặc đồng tính nam
- Bisexual or pansexual 6
- Song tính luyến ái
- I use a different term (____) 7
- Tôi sử dụng một thuật ngữ khác (____)
- Don't know 8
- Không biết
- Prefer not to answer 9
- Không lựa chọn nào ở trên
- REFUSED-3

School Attendance

'QT23_A8' Did you attend school last week?

TA4

- Yes..... 1 **[GO TO 'QT23_A10']**
- Có
- No 2
- Không
- I am on vacation 3
- Tôi đang được nghỉ học
- I am home schooled 4 **[GO TO 'QT23_A11']**
- Tôi đang học tại nhà
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_A9' Did you attend school during the last school year?

Quý vị có đi học trong năm học vừa rồi không?

TA4C

- Yes..... 1
- Có
- No 2 **[GO TO 'QT23_A11']**
- Không
- I was home schooled last year 3 **[GO TO 'QT23_A11']**
- Tôi đang học tại nhà
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_A11']**

Name of School

'QT23_A10' What is the name of the school you go to or last attended?

Xin cho biết tên trường mà quý vị đang đi học hoặc đã học là gì?

TA4B

_____ Name of school
_____ Tên trường

_____ Type of school
_____ Loại trường

- Elementary 1
- Tiểu học
- Intermediate 2
- Trung học
- Junior high..... 3
- Trung học cơ sở
- Middle school 4
- Trường cấp 2
- High school 5
- Trung học cơ sở
- Senior high school 6
- Trung học phổ thông
- Continuation 7
- Trường bổ túc
- Charter school 8
- Trường bán công
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)
- I am not in school 00
- Bé không đi học
- REFUSED/DON'T KNOW -3

'QT23_A11' A person's appearance, style, dress, or the way they walk or talk may affect how people describe them. How do you think other people at school would describe you?

Về bề ngoài, kiểu cách, cách ăn mặc, cách đi lại hoặc cách nói chuyện của một người có thể ảnh hưởng đến sự diễn tả từ người khác về họ. Em nghĩ bạn khác ở trường sẽ diễn tả em như thế nào?

TL37

- Very feminine 1
- Rất nữ tính
- Mostly feminine 2
- Chủ yếu là nữ tính
- Somewhat feminine 3
- Phần nào nữ tính
- Equally feminine and masculine 4
- Vừa nam tính vừa nữ tính
- Somewhat masculine 5
- Phần nào nam tính
- Mostly masculine 6
- Chủ yếu là nam tính
- Very masculine 7
- Rất nam tính
- REFUSED/DON'T KNOW -3

SECTION B: HEALTH STATUS AND HEALTH CONDITIONS

General Health

'QT23_B1' Now we are going to ask about your health.

Bây giờ, tôi xin hỏi về sức khỏe của em

In general, would you say your health is excellent, very good, good, fair or poor?

Nói chung, em cho rằng sức khỏe của mình rất tuyệt, rất tốt, tốt, khá hay yếu?

TB1

- Excellent 1
- Xuất sắc*
- Very good 2
- Rất giỏi*
- Good 3
- Giỏi*
- Fair 4
- Khá*
- Poor 5
- Kém*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Height and Weight

'QT23_B2' About how tall are you without shoes?

Em cao bao nhiêu nếu không mang giày?

Your best guess is fine. You may answer in feet and inches or centimeters

Em đoán chừng cũng được rồi. Quý vị có thể trả lời bằng feet và inch hoặc mét hay centimét

TB2

- _____ Feet
- _____ Inches

- _____ Centimeters
- _____ Centimét (Range 0-300)

- Feet, inches 1
- Centimeters 2
- Centimét*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B3' About how much do you weigh without shoes?

Em nặng bao nhiêu nếu không mang giày?

Your best guess is fine. You may answer in pounds or kilograms

Em đoán chừng cũng được rồi.

TB3

- _____ Pounds [HR:50-450]
- _____ Kilograms [HR: 20-220]

- Pounds 1
- Kilograms 2
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Missed School Days

PROGRAMMING NOTE 'QT23_B4' :
IF 'QT23_A8' = 1 (ATTENDED SCHOOL LAST WEEK) OR 4 (HOME SCHOOLED), CONTINUE WITH
'QT23_B4' ;
ELSE GO TO 'QT23_B5'

'QT23_B4' During the last four school weeks, how many days of school did you miss because of a health problem?

Trong bốn tuần đi học vừa qua, em phải bỏ học bao nhiêu ngày vì tình trạng sức khỏe của mình?

TB4

_____ Days_[HR: 0-20]
_____ Ngày

REFUSED/DON'T KNOW-3

Asthma

'QT23_B5' Has a doctor ever told you or your parents that you have asthma?

Bác sĩ có bao giờ cho em hoặc cha mẹ biết rằng em bị bệnh suyễn không?

TB5

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'SECTION CV']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'SECTION CV']**

'QT23_B6' Do you still have asthma?

Em vẫn còn bị bệnh suyễn chứ?

TB17

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B7' During the past 12 months, have you had an episode of asthma or an asthma attack?

Trong vòng 12 tháng qua, em có bị lên cơn suyễn ngắn hoặc lên cơn suyễn nặng nào không?

TB18

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_B8':
IF 'QT23_B6' = 1 (YES, STILL HAVE ASTHMA) OR 'QT23_B7' = 1 (YES, EPISODE IN PAST 12 MONTHS)
CONTINUE WITH 'QT23_B8';
ELSE GO TO 'QT23_B11'

'QT23_B8' During the past 12 months, have you had to visit a hospital emergency room because of your asthma?

Trong 12 tháng qua, em có đến phòng cấp cứu tại bệnh viện do bệnh suyễn của mình không

TB19

- Yes..... 1
- Có
- No 2 [GO TO 'QT23_B11']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 [GO TO 'QT23_B11']

'QT23_B9'

Did you visit a hospital emergency room for your asthma because you were unable to see your doctor?

Em có đến phòng cấp cứu của bệnh viện do bệnh suyễn vì không thể đến khám bác sĩ không?

TB31

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- I don't have a doctor or any other type of healthcare provider 3
- Tôi không có bác sĩ hoặc bất cứ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào khác
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B10'

During the past 12 months, were you admitted to the hospital overnight or longer for your asthma?

Trong vòng 12 tháng qua, quý vị có phải nhập viện qua đêm hay ở lâu hơn vì bệnh suyễn của mình hay không?

TB4A

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B11'

Are you now taking a daily medication to control your asthma that was prescribed or given to you by a doctor?

Hiện tại em có uống thuốc mỗi ngày do bác sĩ cấp phát hoặc kê toa để trị bệnh suyễn của mình không?

This includes both oral medicine and inhalers. This is different from inhalers used for quick relief.

Thuốc này bao gồm cả thuốc uống và ống hít. Thuốc này khác với loại ống hít dùng để giảm nhanh cơn suyễn.

TB6

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_B12' :

IF 'QT23_B6' = 1 (YES, STILL HAVE ASTHMA) OR 'QT23_B7' = 1 (YES, EPISODE IN PAST 12 MONTHS) GO TO 'QT23_B16'; ELSE CONTINUE WITH 'QT23_B12'

'QT23_B12' During the past 12 months, how often have you had asthma symptoms such as coughing, wheezing, shortness of breath, chest tightness, or phlegm?

Trong 12 tháng qua, quý vị có những triệu chứng như ho, thở khò khè, thở ngắn, tức ngực, hoặc đờm khi quý vị không bị cảm hoặc nhiễm trùng hô hấp không?

TB27

- Not at all 1
- Không nói được*
- Less than every month 2
- Ít hơn mỗi tháng*
- Every month 3
- Mỗi tháng*
- Every week 4
- Mỗi tuần*
- Every day 5
- Mỗi ngày*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_B13' :

IF **'QT23_B6'** = 1 (YES, STILL HAVE ASTHMA) OR **'QT23_B7'** = 1 (YES, EPISODE IN PAST 12 MONTHS)
GO TO **'QT23_B16'**;
ELSE CONTINUE WITH **'QT23_B13'**

'QT23_B13' During the past 12 months, have you had to visit a hospital emergency room because of your asthma?

Trong 12 tháng qua, em có phải đến phòng cấp cứu của bệnh viện vì bệnh suyễn của mình không?

TB28

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_B16']**
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_B16']**

'QT23_B14' Did you visit a hospital emergency room for your asthma because you were unable to see your doctor

Em có từng đi đến phòng cấp cứu của bệnh viện do bệnh suyễn của mình vì không thể đi khám bác sĩ không?

TB34

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2
- Không*
- I don't have a doctor 3
- Tôi không có bác sĩ*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B15' During the past 12 months, were you admitted to the hospital overnight or longer for your asthma?

Trong 12 tháng qua, em có phải nhập viện qua đêm hay lâu hơn vì bệnh suyễn của em không?

TB29

- Yes..... 1
- Có*
- No 2
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B16' During the past 12 months, how many days of school did you miss due to asthma?

Trong 12 tháng qua, em nghỉ học bao nhiêu ngày vì bệnh suyễn của mình?

TB24

_____ Days_[HR: 0-365]
_____ Ngày

- I did not go to school in last 12 months 996
- Tôi đã không đến trường trong 12 tháng qua
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B17' Have your doctors or other medical providers worked with you to develop a plan so that you know how to take care of your asthma?

Bác sĩ hay những người chăm sóc sức khỏe khác của em có giúp em lập một kế hoạch để em biết cách chăm sóc bệnh suyễn của mình không?

TB20

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B18' Do you have a written or printed copy of this plan?

Em có một bản sao viết tay hay bản in copy của kế hoạch này không?

This can be an electronic or hard copy.

Kế hoạch này có thể là bản điện tử hay bản in copy trên giấy.

TB32

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_B19' How confident are you that you can control and manage your asthma?

Quý vị tự tin ra sao khi nói mình kiểm soát và quản lý được bệnh suyễn của mình?

TB33

- Very confident..... 1
- Rất tự tin
- Somewhat confident 2
- Hơi tự tin
- Not too confident 3
- Không tự tin lắm, hoặc
- Not at all confident..... 4
- Không tự tin chút nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION CV: COVID-19

'QT23_CV1' Have you completed the primary vaccine series for COVID-19? *Completed primary vaccine series means one of the following: Receiving two shots of the Pfizer or Moderna vaccine, a single shot of the Johnson & Johnson vaccine.*

Bạn đã hoàn thành loạt tiêm vắc-xin chính ngừa COVID-19 chưa? *Hoàn thành loạt tiêm vắc-xin chính đồng nghĩa với một trong những điều sau đây: Đã tiêm hai mũi vắc-xin Pfizer hoặc Moderna, một mũi vắc-xin đơn liều Johnson & Johnson.*

TCV1A

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_CV3']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'SECTION C']**

PROGRAMMING NOTE 'QT23_CV2':
IF 'QT23_CV1'=1, THEN CONTINUE;
ELSE GO TO 'QT23_CV3';
IF 'TCV1A'=-7,-8 THEN GO TO NEXT SECTION

'QT23_CV2' Have you received an additional dose or booster after your primary vaccine series?

Bạn đã tiêm liều bổ sung hoặc tiêm nhắc lại sau khi hoàn tất các mũi vắc-xin chính chưa?

TCV1B

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_CV3' What are the reasons why you have not completed the primary vaccine series for COVID-19?

Lý do gì khiến quý vị chưa hoàn thành loạt tiêm vắc-xin chính ngừa COVID-19?

TCV2

Select all that apply

- I am worried about side effects..... 1
- Tôi lo lắng về tác dụng phụ
- I think the vaccine was developed too quickly ... 2
- Tôi nghĩ rằng vắc-xin được phát triển quá nhanh
- I don't know enough about the vaccine to make the decision to get it 3
- Tôi không biết đủ về vắc-xin để đưa ra quyết định tiêm phòng
- I think a vaccine for COVID-19 is unnecessary . 4
- Tôi nghĩ việc tiêm vắc-xin COVID-19 là không cần thiết
- I don't believe in vaccines in general 5
- Tôi không tin tưởng vắc-xin nói chung
- I do plan to get fully vaccinated..... 6
- Tôi có kế hoạch tiêm chủng đầy đủ
- My parents don't want me to get the vaccine 7
- Phụ huynh của tôi không muốn tôi được tiêm phòng
- Something else, (Specify: _____) 91
- Điều khác, (nếu rõ)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION C: DIET, NUTRITION, AND FOOD ENVIRONMENT

Dietary Intake

PROGRAMMING NOTE 'QT23_C1':
IF HOUSEHOLD INCOME IS ≤ 185% FPL CONTINUE;
ELSE SKIP TO 'SECTION D'

'QT23_C1' Now, we're going to ask about the foods you ate yesterday, including both meals and snacks.

Bây giờ chúng tôi sẽ hỏi về thực phẩm mà bạn đã ăn hôm qua bao gồm các bữa ăn và đồ ăn vặt.

Yesterday, how many servings of fruit, such as an apple or banana, did you eat?

Hôm qua, bạn đã ăn bao nhiêu phần trái cây, chẳng hạn như táo hoặc chuối?

A serving is whatever it means to you.

Một khẩu phần ăn là bất cứ điều gì có ý nghĩa đối với bạn.

TE4

_____ Servings [HR: 0-20; SR: 0-9]
_____ Khẩu Phần [HR: 0-20; SR: 0-9]

REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_C2' Yesterday, how many servings of vegetables like green salad, green beans, or potatoes did you have? Do not include fried potatoes.

Hôm qua, bạn đã ăn bao nhiêu phần các loại rau như salad rau xanh, đậu que hay khoai tây? Không bao gồm khoai tây rán.

TE6

_____ Servings [HR: 0-20; SR: 0-4]
_____ Khẩu Phần [HR: 0-20; SR: 0-4]

REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_C3' Yesterday, how many glasses or cans of sweetened fruit drinks, sports, or energy drinks, did you drink?

(Hôm qua,) em đã uống bao nhiêu ly hoặc lon nước trái cây có đường, đồ uống thể thao, hay nước tăng lực?

Such as lemonade, Gatorade, Snapple, or Red Bull.

Như nước chanh, Gatorade, Snapple, hoặc Red Bull.

TC28B

_____ Glasses or cans [HR 0-15 ;SR 0-7]
_____ Ly hoặc lon [HR 0-15 ;SR 0-7]

REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION D: PHYSICAL ACTIVITY

Park and Neighborhood Safety

'QT23_D1' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

The park or playground closest to where I live is safe during the day.

Công viên hay sân chơi gần nơi tôi ở nhất an toàn vào ban ngày.

TC25

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Social Cohesion

'QT23_D2' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

People in my neighborhood are willing to help each other.

Những người sống trong khu phố của em sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau.

TD34

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D3' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

People in this neighborhood generally do not get along with each other.

Nói chung, người dân trong khu phố này KHÔNG sống thuận hòa với nhau.

TD45

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý

- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D4' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

People in this neighborhood can be trusted.

Người dân trong khu phố này có thể tin cậy được

TD36

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D5' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

I care deeply about issues in my community or society.

Tôi quan tâm sâu sắc đến những vấn đề trong cộng đồng hoặc trong xã hội của mình

TL25

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D6' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

I believe that I can make a difference in my community.

Tôi tin mình có thể tạo nên sự khác biệt trong cộng đồng của mình

TL27

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree..... 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree..... 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D7' Do you strongly agree, agree, disagree, or strongly disagree with the following statement?

Em hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý hay hoàn toàn không đồng ý với những câu sau đây?

I feel connected to others who are working to make a difference in my community.

Tôi cảm thấy được kết nối với những người đang hoạt động để tạo nên sự khác biệt trong cộng đồng của mình

TL28

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D8' Do you feel safe in your neighborhood?

Em có cảm thấy an toàn trong khu phố mà em ở không?

TE64

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Agree 2
- Đồng ý
- Disagree 3
- Không đồng ý
- Strongly disagree 4
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Hate Incident

'QT23_D9'

**HATE INCIDENT
TRANSITION**

The next questions are about hate incidents. Thinking about these incidents may be stressful. Your answers will be kept confidential. If any question upsets you, you don't have to answer it. At the end of this section, we will give you information about organizations that can provide resources and support.

Các câu hỏi tiếp theo có nội dung về các sự cố do thù ghét. Suy nghĩ về những sự cố này có thể gây căng thẳng. Câu trả lời của quý vị sẽ được giữ bảo mật. Nếu bất kỳ câu hỏi nào làm bạn khó chịu, bạn không cần phải trả lời. Ở cuối phần này, chúng tôi sẽ cung cấp cho quý vị thông tin về các tổ chức có thể cung cấp nguồn lực và hỗ trợ.

'QT23_D10'

HI_INTRO

This next set of questions focuses on whether you may have been targeted for hate because of prejudice toward people with certain characteristics or religious beliefs. You may or may not actually have these characteristics or religious beliefs. It is different from someone targeting you for other reasons, such as being angry or wanting to get something from you.

Hate incidents can include physical abuse, verbal abuse, cyberbullying, property damage, or something else.

Giới Thiệu về Sự Cố Hận Thù- Bộ câu hỏi tiếp theo này tập trung vào việc liệu bạn có thể trở thành mục tiêu thù hận vì thành kiến đối với những người có đặc điểm hoặc niềm tin tôn giáo nhất định hay không. Bạn có thể có hoặc không thực sự có những đặc điểm hoặc niềm tin tôn giáo này. Điều đó khác với việc ai đó nhắm vào bạn vì những lý do khác, chẳng hạn như tức giận hoặc muốn lấy thứ gì đó từ bạn.

'QT23_D11' During the past 12 months, have you directly experienced a hate incident?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có trực tiếp gặp phải một sự cố hận thù không?

TD66

- Yes..... 1
- Có
- No 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_D12':

IF 'QT23_D11' =1 CONTINUE;
ELSE SKIP TO 'QT23_D16'

'QT23_D12' Did you experience...

Bạn đã trải qua..

TD67

Select all that apply

- Physical abuse or attack,..... 1
- Bạo hành hoặc tấn công thể xác,
- Verbal abuse or insults, 2
- Xúc phạm hoặc lăng mạ bằng lời nói,
- Cyberbullying, 3
- Bắt nạt trên mạng,
- Property damage, or 4
- Thiệt hại tài sản, hoặc
- Something else (Specify:.....)..... 5
- Lý do khác (Nêu rõ:.....)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D13' Where did the incident or incidents take place?

Sự cố diễn ra ở đâu?

TD68

Select all that apply

- At home, 1
- Tại nhà
- At school, 2
- Tại trường học
- At work, 3
- Tại nơi làm việc,
- At a store, theater, gas station, or other business, 4
- Tại cửa hàng, rạp hát, trạm xăng hoặc những nơi kinh doanh khác
- On the street or sidewalk, 5

- Trên đường phố hoặc vỉa hè
- Online, or 6
- Trực tuyến, hoặc
- Somewhere else (Specify: _____) 7
- Nơi khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D14' Why do you think you were targeted?

Bạn cho rằng tại sao mình trở thành mục tiêu của sự cố hận thù?

TD69

Select all that apply

- Because of your race or skin color 1
- Vì chủng tộc hoặc màu da của bạn*
- Because of your sexual orientation 2
- Vì khuynh hướng tính dục của bạn*
- Because of your gender or sex, including gender identity 3
- Vì giới hoặc giới tính của bạn, gồm cả bản dạng giới của bạn*
- Because of your religion 4
- Vì tôn giáo của bạn*
- Because of your ancestry, national origin, or language 5
- Vì tổ tiên, nguồn gốc quốc gia hoặc ngôn ngữ của bạn*
- Because of your disability 6
- Vì tình trạng khuyết tật của bạn*
- Because of your immigration status 7
- Về tình trạng nhập cư của bạn*
- Because of your age 8
- Vì độ tuổi của bạn*
- Because of some other reason: 9
- Vì lý do khác: _____*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_D15':

IF MORE THAN ONE RESPONSE FROM 'QT23_D14', THEN CONTINUE WITH 'QT23_D15' WITH SELECTED CHOICES FROM 'QT23_D14' DISPLAYED; ELSE SKIP TO 'QT23_D16';

'QT23_D15' What do you think is the MAIN reason you were targeted for a hate incident?

Bạn cho rằng lý do CHÍNH khiến bạn trở thành mục tiêu của sự cố hận thù là gì?

TD70

[IF NEEDED: If you experienced more than one incident, please think about the most recent incident.]

[NẾU CẦN: Nếu bạn gặp nhiều sự cố, vui lòng nghĩ về sự cố gần đây nhất]

- Because of your race or skin color 1
- Vì chủng tộc hoặc màu da của bạn*
- Because of your sexual orientation 2
- Vì khuynh hướng tính dục của bạn*
- Because of your gender or sex, including gender identity 3
- Vì giới hoặc giới tính của bạn, gồm cả bản dạng*

- giới của bạn*
- Because of your religion 4
 - Vì tôn giáo của bạn*
 - Because of your ancestry, national origin, or language 5
 - Vì tổ tiên, nguồn gốc quốc gia hoặc ngôn ngữ của bạn*
 - Because of your disability 6
 - Vì tình trạng khuyết tật của bạn*
 - Because of your immigration status 7
 - Về tình trạng nhập cư của bạn*
 - Because of your age 8
 - Vì độ tuổi của bạn*
 - Because of some other reason: _____ ... 9
 - Vì lý do khác: _____*
 - REFUSED/DON'T KNOW -3

'QT23_D16' During the past 12 months, have you witnessed another person experiencing a hate incident?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có chứng kiến một người khác gặp phải một sự cố hận thù không?

TD71

- Yes 1
- Có*
- No 2
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW -3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_D17':
IF 'QT23_D16' =1 THEN CONTINUE;
ELSE GO TO 'SECTION E';

'QT23_D17' Did you witness...

Bạn có chứng kiến...

TD72

Select all that apply

- Physical abuse or attack, 1
- Bạo hành hoặc tấn công thể xác,*
- Verbal abuse or insults, 2
- Xúc phạm hoặc lăng mạ bằng lời nói,*
- Cyberbullying, 3
- Bắt nạt trên mạng,*
- Property damage, or 4
- Thiệt hại tài sản, hoặc*
- Something else (Specify: _____) 5
- Lý do khác (Nêu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW -3

'QT23_D18' Where did the incident take place?

Sự cố diễn ra ở đâu?

TD73

Select all that apply

- At home, 1
- Tại nhà*
- At school, 2

- Tại trường học
- At work, 3
- Tại nơi làm việc,
- At a store, theater, gas station, or other
business, 4
- Tại cửa hàng, rạp hát, trạm xăng hoặc những
nơi kinh doanh khác
- On the street or sidewalk, 5
- Trên đường phố hoặc vỉa hè
- Online, or 6
- Trực tuyến, hoặc
- Somewhere else (Specify: _____)..... 7
- Nơi khác (Nêu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_D19' Why do you think the person was targeted for a hate incident?

Bạn cho rằng tại sao người đó trở thành mục tiêu của sự cố hận thù?

TD74

Select all that apply

- Because of your race or skin color 1
- Vì chủng tộc hoặc màu da của bạn
- Because of your sexual orientation 2
- Vì khuynh hướng tính dục của bạn
- Because of your gender or sex, including gender
identity 3
- Vì giới hoặc giới tính của bạn, gồm cả bản dạng
giới của bạn
- Because of your religion 4
- Vì tôn giáo của bạn
- Because of your ancestry, national origin, or
language 5
- Vì tổ tiên, nguồn gốc quốc gia hoặc ngôn ngữ
của bạn
- Because of your disability 6
- Vì tình trạng khuyết tật của bạn
- Because of your immigration status..... 7
- Về tình trạng nhập cư của bạn
- Because of your age 8
- Vì độ tuổi của bạn
- Because of some other reason: _____..... 9
- Vì lý do khác: _____
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_D20':

IF MORE THAN ONE RESPONSE FROM 'QT23_D19', THEN CONTINUE WITH 'QT23_D20' WITH
SELECTED CHOICES FROM 'QT23_D19' DISPLAYED;
ELSE SKIP TO 'SECTION E';

'QT23_D20' What do you think is the MAIN reason that person was the target for a hate incident?

Bạn cho rằng lý do CHÍNH khiến người đó trở thành mục tiêu của sự cố hận thù là gì?

TD75

*[IF NEEDED: If you witnessed more than one incident, please think about the most recent
incident.]*

- Because of your race or skin color 1
- Vì chủng tộc hoặc màu da của bạn
- Because of your sexual orientation 2
- Vì khuynh hướng tính dục của bạn
- Because of your gender or sex, including gender identity..... 3
- Vì giới hoặc giới tính của bạn, gồm cả bản dạng giới của bạn
- Because of your religion 4
- Vì tôn giáo của bạn
- Because of your ancestry, national origin, or language 5
- Vì tổ tiên, nguồn gốc quốc gia hoặc ngôn ngữ của bạn
- Because of your disability 6
- Vì tình trạng khuyết tật của bạn
- Because of your immigration status..... 7
- Về tình trạng nhập cư của bạn
- Because of your age..... 8
- Vì độ tuổi của bạn
- Because of some other reason: _____ ... 9
- Vì lý do khác: _____
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_D21':

TO BE DISPLAYED TO ALL RESPONDENTS IRRESPECTIVE OF THEIR RESPONSES TO 'QT23_D11', 'QT23_D16'.

'QT23_D21'

**HATE INCIDENT
RESOURCE**

If you would like mental or emotional support, someone is available 24 hours a day at the toll-free number 855-845-7415. If you prefer, you can remain anonymous. You can also visit

www.mentalhealthsf.org/peer-run-warmline/.

If you would like to report a hate incident or connect with resources, including mental health and legal services, visit www.Cavshate.org/ or call 833-866-4283, Monday to Friday from 9 a.m. to 6 p.m. California vs Hate is not affiliated with law enforcement, and you can report anonymously. If you want to report a hate crime to law enforcement immediately or you are in present danger, please call 911.

Nếu bạn muốn được hỗ trợ về tinh thần hoặc cảm xúc, chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ 24 giờ một ngày theo số điện thoại miễn phí 855-845-7415. Nếu muốn, bạn có thể ẩn danh. Bạn cũng có thể truy cập www.mentalhealthsf.org/peer-run-warmline/

Nếu bạn muốn báo cáo một sự cố do thù ghét hoặc kết nối với các nguồn lực, bao gồm các dịch vụ pháp lý và sức khỏe tâm thần, hãy truy cập www.CAVsHATE.org/ hoặc gọi số 833-866-4283. California vs Hate không liên kết với cơ quan thực thi pháp luật và bạn có thể báo cáo ẩn danh. Nếu bạn muốn báo cáo tội ác do thù ghét cho cơ quan thực thi pháp luật, hãy liên hệ với sở cảnh sát địa phương hoặc gọi số 911.

SECTION E: CIGARETTE, ALCOHOL, AND DRUG USE

Cigarette Use

'QT23_E1' Now we are going to ask about smoking.

Bây giờ tôi sẽ hỏi vài câu về hút thuốc lá.

Have you ever smoked cigarettes, even 1 or 2 puffs?

Em có bao giờ hút thuốc lá, ngay cả hút 1 hay 2 hơi không?

TC38

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'QT23_E5']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'QT23_E5']

'QT23_E2' How old were you when you first tried cigarette smoking, even one or two puffs?

TE81

_____ Age [HR: 0-TAGE]
_____ Tuổi

- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E3' In the past 30 days, on how many days did you smoke cigarettes?

Trong vòng 30 ngày qua, có bao nhiêu ngày em có hút thuốc lá?

TE19

- None 0 [GO TO 'QT23_E5']
- 0 ngày
- 1 or 2 days 1
- 1-2 ngày
- 3-5 days 2
- 3-5 ngày
- 6-9 days 3
- 6-9 ngày
- 10-19 days 4
- 10-19 ngày
- 20-29 days 5
- 20-29 ngày
- 30 days 6
- 30 ngày trở lên
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E4' In the past 30 days, when you smoked, about how many cigarettes did you smoke in a typical day?

Trong 30 ngày qua, khi hút thuốc, em đã hút khoảng bao nhiêu điếu một ngày?

If you did not smoke every day in the past 30 days, consider the average number of cigarettes on the day you smoked. A pack usually contains 20 cigarettes

Nếu quý vị không hút thuốc hàng ngày trong 30 ngày qua thì hãy xem xét những ngày mà quý vị đã hút thuốc. Một gói thường chứa 20 điếu thuốc

TE20

_____ Number of cigarettes [HR: 0-120]
_____ Số điếu

- REFUSED/DON'T KNOW-3

E-Cigarette Use

'E-CIGARETTE INTRO TEEN'

E-CIGAR INTRO

The next questions are about electronic cigarettes and other electronic vaping products. These products typically contain nicotine, flavors, and other ingredients. They may also be called e-cigs, vape pens, pod mods, hookah pens or e-hookah.

Các câu hỏi tiếp theo là về thuốc lá điện tử và các sản phẩm bút thuốc lá điện tử khác. Các sản phẩm này thường chứa nicotin, hương vị và các thành phần khác. Chúng còn được gọi là e-cig, bút vape, bình pod mod, bút hookah hoặc bút hookah điện tử

Do not include products used only for marijuana.

Không kể đến các sản phẩm chỉ được dùng để sử dụng cần sa.

- 'QT23_E6'** Have you ever used an e-cigarette or other electronic vaping product, even just once in your lifetime?

Quý vị có từng sử dụng thuốc lá điện tử hoặc sản phẩm bút thuốc lá điện tử khác chưa, kể cả là khi chỉ hút một lần trong đời?

TE79

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_E11']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_E11']**

- 'QT23_E7'** How old were you when you first tried an e-cigarette, even one or two times?

Em bao nhiêu tuổi khi thử hút thuốc lá điện tử lần đầu, kể cả là khi chỉ hút 1 hoặc 2 lần?

TE82

_____ Age [HR: 0-TAGE]
_____ Tuổi

- REFUSED/DON'T KNOW-3

- 'QT23_E8'** In the past 30 days, on how many days did you use an e-cigarette or other electronic vaping product?

Trong 30 ngày qua, có bao nhiêu ngày mà em sử dụng thuốc lá điện tử?

TE80

_____ Number of days [HR: 0 -30] **[IF TE80=0, GO TO 'PN_QT23_E10']**

_____ Số ngày

- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'PN_QT23_E10']**

- 'QT23_E9'** What are your reasons for using electronic cigarettes?

Tại sao em sử dụng thuốc lá điện tử?

TE68

Select all that apply

- To quit smoking 1
- Để thay thế thuốc lá

- To replace smoking 2
- Để thay thế thuốc lá
- To cut down or reduce smoking 3
- Để cắt giảm việc hút thuốc lá
- To use in places where smoking is not allowed 4
- Để sử dụng ở những nơi cấm hút thuốc
- To just try it out of curiosity 5
- Chỉ thử hút vì tò mò
- To avoid the lingering odor of cigarettes 6
- Để tránh mùi khó chịu kéo dài của thuốc lá
- To help me concentrate/ stay alert 7
- Để giúp tôi tập trung/tỉnh táo
- Because they come in many flavors 8
- Vì chúng có nhiều hương vị
- Because they are less expensive than
cigarettes 9
- Vì chúng rẻ hơn thuốc lá thật
- Because they are healthier than cigarettes 10
- Vì chúng có lợi cho sức khỏe hơn thuốc lá thật
- For enjoyment or social reasons 11
- Vì các lý do giải trí hoặc xã giao
- To reduce stress, anxiety, or pain 12
- Để giảm căng thẳng, lo lắng hoặc giảm đau
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW -3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E10':

IF ['QT23_E1'=1 AND 'QT23_E6'=1] AND 'QT23_E2'='QT23_E7' OR IF 'QT23_E2'=-3 OR IF 'QT23_E7'=-3, CONTINUE WITH 'QT23_E10';
ELSE GO TO 'QT23_E11'

'QT23_E10' Earlier you mentioned that you have tried both cigarettes and e-cigarettes. Which one did you try first?

Quý vị đã nói ở trên rằng quý vị đã thử dùng thuốc lá truyền thống lẫn thuốc lá điện tử. Quý vị đã thử loại nào trước?

TE83

- Cigarettes 1
- Điều
- E-cigarettes 2
- Điện tử
- Tried at the same time 3
- Đã thử cùng một lúc
- REFUSED/DON'T KNOW -3

Alcohol Use/Abuse

'QT23_E11' Did you ever have more than a few sips of any alcoholic drink, like beer, wine, mixed drinks, or liquor?

Em có từng uống nhiều hơn là một vài ngụm bất cứ thức uống có chất rượu, chẳng hạn như bia, rượu nho, rượu pha chế, hay rượu mạnh không?

TE22

- Yes 1
- Có
- No 2 [GO TO 'PN_QT23_E14']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW -3 [GO TO 'PN_QT23_E14']

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E12' :
IF 'QT23_A4' = 1 (MALE AT BIRTH) GO TO 'QT23_E13' ;
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_E12'

'QT23_E12' How many days in the past 30 days did you have four or more drinks in a row, that is within a couple of hours?

Trong 30 ngày qua, có bao nhiêu ngày em đã uống liên tiếp bốn ly rượu hay nhiều hơn, trong vòng vài giờ?

TE24A

- None 0
- 0 ngày
- 1 or 2 days 1
- 1-2 ngày
- 3-5 days 2
- 3-5 ngày
- 6-9 days 3
- 6-9 ngày
- 10-19 days 4
- 10-19 ngày
- 20 days or more 6
- 20 ngày trở lên
- REFUSED/DON'T KNOW -3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E13' :
IF 'QT23_A4' = 2 (FEMALE AT BIRTH), GO TO 'QT23_E14';
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_E13'

'QT23_E13' How many days in the past 30 days did you have five or more drinks in a row, that is within a couple of hours?

Có bao nhiêu ngày trong 30 ngày qua em đã uống liên tiếp 5 ly rượu hay nhiều hơn, trong vòng vài giờ?

TE24

- None 0
- 0 ngày
- 1 or 2 days 1
- 1-2 ngày
- 3-5 days 2
- 3-5 ngày
- 6-9 days 3
- 6-9 ngày
- 10-19 days 4
- 10-19 ngày
- 20 days or more 6
- 20 ngày trở lên
- REFUSED/DON'T KNOW -3

Marijuana Use

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E14':
IF 'TP1_BRC' = 2,4 (NO QUESTIONS ON DRUGS) SKIP TO 'QT23_F1';
ELSE CONTINUE TO 'QT23_E14'

'QT23_E14' The next questions are about marijuana also called cannabis or weed, hashish, and other products containing THC. There are many methods for consuming these products, such as smoking, vaporizing, dabbing, eating, or drinking.

Câu hỏi tiếp theo là về cần sa, hay còn được gọi là gai dầu hoặc cỏ khô, nhựa cây cần sa, và các sản phẩm khác có chứa THC. Có nhiều cách thức sử dụng những sản phẩm này như

hút, hít hơi, hút nhựa cô đặc, ăn hoặc uống.

Have you ever, even once, tried marijuana or hashish in any form?

Quý vị đã từng, thậm chí một lần, thử cần sa hoặc nhựa cây cần sa chưa?

THC is the active ingredient in marijuana

THC là thành phần hoạt tính trong cần sa.

TE69

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_E24']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'QT23_E24']**

'QT23_E15'

During the past 30 days, on how many days did you use marijuana, hashish, or another THC product?

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa, nhựa cây cần sa, hoặc sản phẩm THC khác trong bao nhiêu ngày?

TE70

- None 0 **[GO TO 'QT23_E24']**
- 0 ngày
- 1 or 2 days 1
- 1-2 ngày
- 3-5 days..... 2
- 3-5 ngày
- 6-9 days..... 3
- 6-9 ngày
- 10-19 days..... 4
- 10-19 ngày
- 20-29 days..... 6
- 20-29 ngày
- 30 days or more..... 7
- 30 ngày trở lên
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_E16'

How often have you used tobacco and marijuana at the same time?

Tần suất quý vị sử dụng thuốc lá trong khi quý vị cũng đang sử dụng cần sa như thế nào? Quý vị cho rằng...?

TE71

- Usually..... 1
- Thường xuyên
- Sometimes..... 2
- Luôn luôn
- Never 3
- Chưa bao giờ
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_E17'

[During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Smoke it in a joint, bong, or pipe?

Quý vị...Hút trong điếu thuốc cuộn, bong hay ống điếu?

TE72

- Yes..... 1

- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E18' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Smoke part or all of a cigar with marijuana in it, which is sometimes called a blunt?

Quý vị ...Hút một phần hay toàn bộ điếu xì gà có cần sa trong đó, mà đôi khi được gọi là 'blunt?'

TE78

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E19' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Eat it?

Quý vị có...Ăn nó không?

For example, in brownies, cakes, cookies or candy

Ví dụ như trong bánh sô-cô-la hạnh nhân, bánh, bánh ngọt hoặc kẹo

TE73

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E20' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Drink it?

Quý vị có...Uống nó không?

For example, in tea, cola, alcohol or other drinks

Ví dụ như sử dụng dầu cây gai butane, sáp hoặc chất tinh lọc

TE74

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E21' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Vaporize it?

Quý vị có...Hít hơi nó không?

For example, in an e-cigarette type vaporizer

Ví dụ như bình hút loại thuốc lá điện tử

TE75

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E22' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Dab it?

Quý vị có... Hút nhựa cô đặc không

For example, using butane hash oil, wax or concentrates

Ví dụ như sử dụng dầu cây gai butane, sáp hoặc chất tinh lọc

TE76

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E23' [During the past 30 days, how did you use marijuana?] Did you...

Trong vòng 30 ngày qua, quý vị sử dụng cần sa như thế nào?

Use it some other way?

Quý vị có... Sử dụng bằng một vài cách khác không?

TE77

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E24' Have you used heroin in the past 12 months?

Bạn có từng sử dụng heroin trong 12 tháng qua không?

TE84

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_E25' Examples of prescription painkillers are Vicodin, OxyContin, Norco, Hydrocodone, Percocet and Methadone. In the past 12 months, have you used any prescription painkiller in a way that did not follow your doctor's directions?

Ví dụ về thuốc giảm đau kê đơn là Vicodin, OxyContin, Norco, Hydrocodone, Percocet và Methadone. Trong 12 tháng qua, bạn có sử dụng thuốc giảm đau kê đơn không theo chỉ dẫn của bác sĩ không?

TE85

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- Don't know.....8

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E26':

IF 'QT23_E25' = 1, THEN CONTINUE WITH 'QT23_E26';
ELSE GO TO 'QT23_E28'

'QT23_E26' Did you get the prescription(s) from one doctor or from more than one doctor?

Bạn nhận được đơn thuốc từ một hay nhiều bác sĩ không?

TE86

- One doctor..... 1
- Một bác sĩ
- More than one doctor 2
- Nhiều bác sĩ
- I Didn't get it from a doctor 3
- Đã không nhận được từ bác sĩ
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_E27':

IF 'QT23_E25' = 1, CONTINUE WITH 'QT23_E27';
ELSE GO TO 'QT23_E28'

'QT23_E27' What condition or conditions have you taken the medicine for?

Bạn đã sử dụng thuốc để điều trị các bệnh trạng nào?

TE87

- Dental work/dental pain 1
- Điều trị nha khoa/đau răng
- Pain after surgery, not accident related 2
- Đau sau phẫu thuật, không liên quan đến tai nạn
- Pain after an accident or injury 3
- Đau sau tai nạn hoặc chấn thương
- Chronic pain, regardless of cause 4
- Đau mãn tính, bất kể nguyên nhân
- Recreational use 5
- Sử dụng cho mục đích giải trí
- Depression, anxiety, or stress 6
- Trầm cảm, lo lắng hoặc căng thẳng
- To treat substance use disorder 7
- Để điều trị chứng rối loạn do lạm dụng chất kích thích
- Addiction to painkillers 8
- Nghiện thuốc giảm đau
- Other (Specify) _____ 91
- Khác (Nếu rõ) _____
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_E28' Have you used methamphetamines in the past 12 months?

Bạn có từng sử dụng methamphetamines (thuốc kiếng/gương) trong 12 tháng qua không?

TE88

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

SECTION F: MENTAL HEALTH

K6 Mental Health Assessment

'QT23_F1' The next questions ask about how you have been feeling during the past 30 days. For each question, please mark the category that best describes how often you had this feeling.

Các câu hỏi kế tiếp là về cảm xúc của em trong vòng 30 ngày qua.

About how often during the past 30 days did you feel...nervous?

Trong vòng 30 ngày qua, có bao nhiêu lần em cảm thấy lo lắng Em sẽ nói 0 là vào mọi lúc, hầu hết thời gian, vài lần, chút ít, hay không có lúc nào hết?

TG11

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F2' ... hopeless?

Trong 30 ngày qua có bao nhiêu lần em cảm thấy tuyệt vọng---vào mọi lúc, hầu hết thời gian, vài lần, chút ít hay không có lúc nào hết?

TG12

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F3' ... restless or fidgety?

Trong 30 ngày qua có bao nhiêu lần em cảm thấy bồn chồn hay khó chịu?

TG13

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F4' ... so depressed that nothing could cheer you up?

Em có thường cảm thấy sa sút tinh thần đến nỗi không có việc gì làm cho em vui được không?

TG14

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F5' ... that everything was an effort?

Trong 30 ngày qua, em có thường cảm thấy làm việc gì cũng phải cố gắng không?

TG15

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F6' ... worthless?

Trong 30 ngày qua, em có thường cảm thấy vô dụng không?

TG16

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Repeated K6

'QT23_F7' Was there ever a month in the past 12 months when these feelings occurred more often than they did in the past 30 days?

Có tháng nào trong 12 tháng qua mà những cảm xúc này xảy ra nhiều hơn là đã xảy ra trong 30 ngày vừa qua không?

TF30

- Yes 1
- Có
- No 2 **[GO TO 'QT23_F14']**
- Không

REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'QT23_F14']

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F8' :
IF 'QT23_F7' = 1 THEN CONTINUE WITH 'QT23_F8' ;
ELSE SKIP TO 'QT23_F14'

'QT23_F8' The next questions are about the one month in the past 12 months when you were at your worst emotionally.

Các câu hỏi kế tiếp là có tháng nào trong 12 tháng qua mà quý vị có cảm xúc tệ nhất.

During that same month, how often did you feel.....nervous?

Trong cùng tháng đó, em có thường cảm thấy lo lắng không - lúc nào cũng lo lắng, hầu hết thời gian, vài lần, chút ít, hay không có lúc nào hết?

TF31

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F9' ... hopeless?

Trong cùng tháng đó, em có thường cảm thấy tuyệt vọng không - lúc nào cũng tuyệt vọng, hầu hết thời gian, vài lần, chút ít hay không lúc nào hết?

TF32

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F10' ... restless or fidgety?

Em có thường cảm thấy bồn chồn hay khó chịu không?

TF33

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F11' ... so depressed that nothing could cheer you up?

Em có thường cảm thấy sa sút tinh thần đến nỗi không có việc gì làm cho em vui được không?

TF34

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F12' ... that everything was an effort?

Em có thường cảm thấy làm việc gì cũng phải cố gắng không?

TF35

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F13' ...worthless?

Em có thường cảm thấy vô dụng không?

TF36

- All of the time 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time 3
- thỉnh thoảng
- A little of the time 4
- Chút ít nào
- None of the time 5
- Không có lúc nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_F14' In the past 12 months, did you think you needed help for emotional or mental health problems, such as feeling sad, anxious, or nervous?

Trong 12 tháng qua, em có nghĩ là mình cần được giúp đỡ cho các vấn đề về tình cảm hoặc tinh thần, như khi buồn, lo âu hoặc lo lắng không?

TI11

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không

- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_F15' In the past 12 months, have you received any psychological or emotional counseling?

Trong vòng 12 tháng qua, em có được tư vấn về tâm lý hay tình cảm không?

TF11

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F16':
 IF 'QT23_E11' = 1 (MORE THAN SIP OF ALCOHOL) OR 'QT23_E14' =1 (EVER USED MARIJUANA) OR
 'QT23_E24' (EVER USED HEROIN) OR 'QT23_E25' (EVER MISUSED PAINKILLER) OR 'QT23_E28'
 (EVER USED METHAMPHETAMINES) CONTINUE WITH 'QT23_F16';
 ELSE GO TO 'PN_QT23_F17'

'QT23_F16' In the past 12 months, did you receive any professional help for your use of alcohol or drugs?

Trong 12 tháng qua, em có nhận được sự giúp đỡ chuyên môn về sử dụng rượu và ma túy không?

TI13

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

Telehealth

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F17':
 IF 'QT23_F15'=1 OR 'QT23_F16'=1 THEN ASK CONTINUE;
 ELSE SKIP TO 'PN_QT23_F21'

'QT23_F17' Think about your problems with mental health, emotions, nerves, or your use of alcohol or drugs in the past 12 months. Did you receive care from an in-person visit video visit or telephone visit?

Hãy nghĩ về các vấn đề liên quan tới sức khỏe tâm thần, cảm xúc, thần kinh hoặc việc lạm dụng bia rượu hoặc ma túy của bạn trong 12 tháng qua. Bạn có nhận được dịch vụ chăm sóc từ một lần thăm khám trực tiếp, thăm khám qua video hoặc thăm khám qua điện thoại không? (Chọn tất cả các câu trả lời phù hợp)

TF46

Select all that apply

- In-person visit 1
- Thăm khám trực tiếp
- Video visit 2
- Thăm khám qua video
- Telephone visit..... 3
- Thăm khám qua điện thoại
- No 4
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F18':
 IF 'QT23_F17'= 1, CONTINUE WITH 'QT23_F18';
 ELSE GO TO 'PN_QT23_F19'

'QT23_F18' How satisfied were you with the care you received through the in-person visit?

Bạn hài lòng như thế nào với dịch vụ chăm sóc mà bạn đã nhận thông qua việc thăm khám trực tiếp?

TF47

- Very satisfied 1
- Rất hài lòng*
- Somewhat satisfied 2
- Phần nào hài lòng*
- Somewhat dissatisfied 3
- Phần nào không hài lòng*
- Very dissatisfied 4
- Rất không hài lòng*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F19':

IF 'QT23_F17'= 2, CONTINUE WITH 'QT23_F19';
ELSE GO TO 'PN_QT23_F20'

'QT23_F19' How satisfied were you with the care you received through the video visit?

Bạn hài lòng như thế nào với dịch vụ chăm sóc mà bạn đã nhận thông qua việc thăm khám qua video?

TF48

- Very satisfied 1
- Rất hài lòng*
- Somewhat satisfied 2
- Phần nào hài lòng*
- Somewhat dissatisfied 3
- Phần nào không hài lòng*
- Very dissatisfied 4
- Rất không hài lòng*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F20':

IF 'QT23_F17'= 3, CONTINUE WITH 'QT23_F20';
ELSE GO TO 'PN_QT23_F21'

'QT23_F20' How satisfied were you with the care you received through the telephone visit?

Bạn hài lòng như thế nào với dịch vụ chăm sóc mà bạn đã nhận thông qua việc thăm khám qua điện thoại?

TF49

- Very satisfied 1
- Rất hài lòng*
- Somewhat satisfied 2
- Phần nào hài lòng*
- Somewhat dissatisfied 3
- Phần nào không hài lòng*
- Very dissatisfied 4
- Rất không hài lòng*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Delays in Mental Health Care

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F21':

IF 'QT23_F14'=1 OR 'TF11=1' OR 'T113=1' THEN CONTINUE;
ELSE SKIP TO 'QT23_F25'

'QT23_F21' During the past 12 months, did you delay or not get mental health care you needed--such as seeing a therapist, psychologist, psychiatrist, or other mental health professional?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có trì hoãn hoặc không nhận được bất kỳ dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần mà bạn cần--chẳng hạn như đến khám bác sĩ trị liệu, nhà tâm lý học, bác sĩ tâm thần hoặc chuyên gia sức khỏe tâm thần khác không?

TF50

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F22':

IF 'QT23_F21'=1 CONTINUE;
ELSE SKIP TO 'QT23_F25'

'QT23_F22' Did you get the mental healthcare eventually?

Cuối cùng thì bạn có nhận được dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần không?

TF51

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_F23' Why did you delay or not get the mental health care you needed?

Tại sao bạn trì hoãn hay không nhận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần mà bạn cần?

TF52

Select all that apply

- Couldn't get appointment..... 1
- Không thể đặt được lịch hẹn
- Provider did not accept my insurance 2
- Nhà cung cấp dịch vụ không chấp nhận bảo hiểm của tôi
- My insurance did not cover..... 3
- Bảo hiểm của tôi không chi trả
- Communication issues due to language..... 4
- Các vấn đề về giao tiếp do ngôn ngữ
- Transportation problems..... 5
- Các vấn đề về phương tiện đi lại
- Hours were not convenient..... 6
- Giờ giấc không thuận tiện
- There was no childcare for children at home 7
- Không có dịch vụ trông trẻ tại nhà
- I forgot or lost referral 8
- Tôi quên hoặc mất giấy giới thiệu
- I didn't have time to go..... 9
- Tôi không có thời gian để đi
- Too expensive 10
- Chi phí quá cao
- I have no insurance 11
- Tôi không có bảo hiểm
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_F24':

IF MORE THAN ONE RESPONSE FROM 'QT23_F23', THEN CONTINUE WITH 'QT23_F24' WITH
SELECTED CHOICES FROM 'QT23_F23' DISPLAYED;
ELSE GO TO 'QT23_F25';

'QT23_F24' What is the MAIN reason you delayed or did not get the mental health care you needed?

Đâu là lý do CHÍNH khiến bạn trì hoãn hoặc không nhận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần mà bạn cần?

TF53

- Couldn't get appointment..... 1
- Không thể đặt được lịch hẹn*
- Provider did not accept my insurance..... 2
- Nhà cung cấp dịch vụ không chấp nhận bảo hiểm của tôi*
- My insurance did not cover 3
- Bảo hiểm của tôi không chi trả*
- Communication issues due to language..... 4
- Các vấn đề về giao tiếp do ngôn ngữ*
- Transportation problems 5
- Các vấn đề về phương tiện đi lại*
- Hours were not convenient 6
- Giờ giấc không thuận tiện*
- There was no childcare for children at home..... 7
- Không có dịch vụ trông trẻ tại nhà*
- I forgot or lost referral..... 8
- Tôi quên hoặc mất giấy giới thiệu*
- I didn't have time to go 9
- Tôi không có thời gian để đi*
- Too expensive..... 10
- Chi phí quá cao*
- I have no insurance..... 11
- Tôi không có bảo hiểm*
- Other (Specify: _____)..... 91
- Khác (Nếu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Climate Change

'QT23_F25' Does the issue of climate change make you feel nervous, depressed, or emotionally stressed?

Vấn đề biến đổi khí hậu có khiến bạn cảm thấy lo lắng, trầm cảm hoặc căng thẳng về mặt cảm xúc không?

TF45

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION G: SEXUAL BEHAVIORS

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G1' :

IF 'TP1_BRCTP1_BRC' = 3,4 (NO QUESTIONS ON SEXUAL BEHAVIOR), GO TO 'QT23_H1' ;
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_G1'

'QT23_G1' The next section is about sexual behavior. The information will be kept private and you can refuse to answer.

Phần kế tiếp sẽ có những câu hỏi về hành vi giới tính. Tất cả câu trả lời sẽ được giữ kín và em có thể từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào.

Have you ever had sexual intercourse?

By sexual intercourse, we mean sex with a penis in a vagina or an anus or rectum.

Em đã có bao giờ quan hệ tình dục chưa?

Nói giao hợp có nghĩa là làm tình với dương vật trong âm đạo hay hậu môn.

TE32

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'PN_QT23_G15']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'PN_QT23_G15']

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G2':

IF 'QT23_A4'=2 (FEMALE AT BIRTH) AND TAGE= BETWEEN 15 AND 17 YEARS AND 'QT23_G1'=1,
CONTINUE WITH 'QT23_G2';

ELSE GO TO 'QT23_G9';

IF 'QT23_A4' = 2 (FEMALE AT BIRTH) AND 'QT23_A5'≠2 (IDENTIFY NOT AS FEMALE) THEN DISPLAY:
'These next questions may be relevant to you because you were assigned female at birth.';

ELSE CONTINUE WITH 'QT23_G2'

'QT23_G2' {These next questions may be relevant to you because you were assigned female at birth.}

During the past 12 months, did you become pregnant with an unplanned pregnancy?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có mang thai ngoài kế hoạch không?

TG33

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_G3' During the past 12 months, has a doctor, medical provider, or family planning counsellor talked to you about birth control? This includes an IUD or an implant (that thing in your arm).

Trong suốt 12 tháng qua, có bao giờ bác sĩ, nhà cung cấp dịch vụ y tế hoặc chuyên gia tư vấn về kế hoạch hóa gia đình trao đổi với bạn về biện pháp tránh thai chưa? Biện pháp tránh thai này bao gồm que cấy tránh thai (que cấy vào cánh tay) hoặc vòng tránh thai (IUD).

TG34

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G4':

IF 'QT23_G1' = 2 (NOT SEXUALLY ACTIVE), THEN GO TO 'PN_QT23_G15';
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_G4'

'QT23_G4' During the past 12 months, did you or your male partner(s) use a birth control method to prevent pregnancy?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình nam của bạn hiện có đang sử dụng biện pháp tránh thai để phòng ngừa việc mang thai không?

TG18B

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'PN_QT23_G8']
- Không
- I do not have a male partner 3 [GO TO 'PN_QT23_G15']
- Tôi không có bạn tình nam
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'PN_QT23_G15']

'QT23_G5' During the past 12 months, which MAIN birth control method did you or your male partner(s) use?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình nam của bạn đã sử dụng biện pháp tránh thai CHÍNH nào?

TG19B

- IUD (Mirena®, Paragard®, Skyla®, Kyleena®, Liletta®, etc.)..... 3
- IUD (Mirena®, Paragard®, Skyla®, Kyleena®, Liletta®, v.v.)
- Implant (Nexplanon® - that thing in your arm) .. 4
- Que cấy tránh thai (Nexplanon® - que cấy vào cánh tay)
- Birth control pills 5
- Thuốc tránh thai
- Other hormonal methods (Injection/ Depo-Provera, patch, vaginal ring) 6
- Các biện pháp tránh thai bằng hoóc môn khác (Tiêm thuốc/Depo-Provera, miếng dán, đặt vòng âm đạo)
- Condoms (male or female) 7
- Bao cao su (nam hoặc nữ)
- Phexxi (birth control gel)..... 8
- Phexxi (gel bôi tránh thai)
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_G6' During the past 12 months, where did you or your male partner(s) get your MAIN birth control method or prescription?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình của bạn đã nhận biện pháp tránh thai hoặc đơn thuốc tránh thai CHÍNH ở đâu?

TG35

- Private doctor's office 1
- Phòng khám bác sĩ tư
- HMO facility (Kaiser, Anthem Blue Cross, Health Net, United Healthcare, etc.) 2
- Cơ sở thuộc chương trình bảo hiểm y tế (HMO) (Kaiser, Anthem Blue Cross, Health Net, United Healthcare, v.v.)
- Hospital or hospital clinic 3

- Bệnh viện hoặc phòng khám của bệnh viện
- Planned Parenthood..... 4
- Tổ Chức Kế Hoạch Hóa Gia Đình
(Planned Parenthood)
- County health department..... 5
- Sở y tế của quận
- Family planning clinic 6
- Phòng khám về kế hoạch hóa gia đình
- Community clinic 7
- Phòng khám cộng đồng
- School or school-based clinic..... 8
- Trường học hoặc phòng khám của trường học
- Native American health center/clinic 9
- Phòng Khám/Trung Tâm Y Tế cho Người Mỹ
Bản Địa
- Pharmacy 10
- Nhà thuốc
- Some other place (Specify: _____)..... 91
- Nơi khác (Nếu rõ: _____)
- Don't know (where female partner(s) received
birth control) 11
- Không biết (nơi bạn tình nữ đã nhận biện pháp
tránh thai)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_G7'

During the past 12 months, did you receive your MAIN birth control method through a video or telephone visit?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có nhận biện pháp tránh thai chính thông qua thăm khám qua video hay điện thoại không?

TG36

- Yes, over a video visit..... 1
- Có, qua thăm khám qua video
- Yes, over a telephone visit 2
- Có, qua thăm khám qua điện thoại
- No 3
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G8':

IF 'QT23_G4'=2, THEN CONTINUE;
ELSE GO TO 'PN_QT23_G15'

'QT23_G8'

What is the MAIN reason you and your male partner(s) did not use birth control in the past 12 months?

Đâu là lý do CHÍNH khiến bạn hoặc bạn tình nam chưa sử dụng biện pháp tránh thai trong 12 tháng qua?

TG20B

- Trying to get pregnant/want a baby..... 1
- Đang cố gắng có thai/muốn có con
- Haven't found a method I like 2
- Chưa tìm được biện pháp ưa thích
- Cost 3
- Chi phí
- Haven't had time to go in for birth control 4
- Chưa có thời gian để tiến hành biện pháp tránh
thai
- No transportation 5
- Không có phương tiện đi lại

- Don't know where to get it 6
- Không biết nơi mua*
- Don't believe in birth control 7
- Không tin vào biện pháp tránh thai*
- Worried about side effects and/or health risks .. 8
- Lo lắng về tác dụng phụ và/hoặc rủi ro sức khỏe*
- Partner won't let me..... 9
- Bạn tình không cho phép*
- Forget to use birth control 10
- Quên sử dụng biện pháp tránh thai*
- Feel uncomfortable asking for birth control/
talking about birth control 11
- Cảm thấy không thoải mái khi hỏi về tránh
thai/nói chuyện về biện pháp tránh thai*
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Nếu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G9':

IF 'QT23_A4'=1 AND TAGE= BETWEEN 15 AND 17 YEARS AND 'QT23_G1'= 1, CONTINUE;
ELSE GO TO 'PN_QT23_G15'

'QT23_G9' During the past 12 months, has a doctor, medical provider, or family planning counsellor talked to you about birth control such as male condoms?

Trong suốt 12 tháng qua, có bao giờ bác sĩ, nhà cung cấp dịch vụ y tế hoặc chuyên gia tư vấn về kế hoạch hóa gia đình trao đổi với bạn về biện pháp tránh thai như bao cao su cho nam chưa?

TG37

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_G10' During the past 12 months, did you or your female partner(s) use a birth control method to prevent pregnancy?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình nữ của bạn hiện có đang sử dụng biện pháp tránh thai để phòng ngừa việc mang thai không?

TG22B

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2 **[GO TO 'PN_QT23_G14']**
- Không*
- I do not have a female partner 3 **[GO TO 'PN_QT23_G15']**
- Tôi không có bạn tình nữ*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'PN_QT23_G15']**

'QT23_G11' During the past 12 months, which MAIN birth control method did you or your female partner(s) use?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình nữ của bạn sử dụng biện pháp tránh thai CHÍNH nào?

TG38

- IUD (Mirena®, Paragard®, Skyla®, Kyleena®, Liletta®, etc.) 3
- IUD (Mirena®, Paragard®, Skyla®, Kyleena®, Liletta®, v.v.)*
- Implant (Nexplanon® - that thing in your arm) .. 4

- Que cấy tránh thai (Nexplanon® - que cấy vào cánh tay)
- Birth control pills 5
- Thuốc tránh thai
- Other hormonal methods (Injection/ Depo-Provera, patch, vaginal ring) 6
- Các biện pháp tránh thai bằng hoóc môn khác (Tiêm thuốc/Depo-Provera, miếng dán, đặt vòng âm đạo)
- Condoms (male or female) 7
- Bao cao su (nam hoặc nữ)
- Phexxi (birth control gel)..... 8
- Phexxi (gel bôi tránh thai)
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_G12'

During the past 12 months, where did you or your female partner(s) get your MAIN birth control method or prescription?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn hoặc bạn tình nữ đã nhận biện pháp tránh thai hoặc đơn thuốc tránh thai chính ở đâu?

TG39

- Private doctor's office 1
- Phòng khám bác sĩ tư
- HMO facility (Kaiser, Anthem Blue Cross, Health Net, United Healthcare, etc.) 2
- Cơ sở thuộc chương trình bảo hiểm y tế (HMO) (Kaiser, Anthem Blue Cross, Health Net, United Healthcare, v.v.)
- Hospital or hospital clinic 3
- Bệnh viện hoặc phòng khám của bệnh viện
- Planned Parenthood 4
- Tổ Chức Kế Hoạch Hóa Gia Đình (Planned Parenthood)
- County health department 5
- Sở y tế của quận
- Family planning clinic 6
- Phòng khám về kế hoạch hóa gia đình
- Community clinic 7
- Phòng khám cộng đồng
- School or school-based clinic 8
- Trường học hoặc phòng khám của trường học
- Native American health center/clinic 9
- Phòng Khám/Trung Tâm Y Tế cho Người Mỹ Bản Địa
- Pharmacy 10
- Nhà thuốc
- Some other place (Specify: _____) 91
- Nơi khác (Nếu rõ: _____)
- Don't know (where female partner(s) received birth control) 11
- Không biết (nơi bạn tình nữ đã nhận biện pháp tránh thai)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_G13'

During the past 12 months, did you receive your MAIN birth control method through a video or telephone visit?

Trong suốt 12 tháng qua, bạn có nhận biện pháp tránh thai chính thông qua thăm khám qua

video hay qua điện thoại không?

TG40

- Yes, over a video visit..... 1
- Có, qua thăm khám qua video
- Yes, over a telephone visit 2
- Có, qua thăm khám qua điện thoại
- No 3
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G14':

IF 'QT23_G10'=2, THEN CONTINUE WITH 'QT23_G14';
ELSE GO TO 'PN_QT23_G15'

'QT23_G14' What is the MAIN reason you and your female partner(s) did not use birth control in the past 12 months?

Đây là lý do CHÍNH khiến bạn hoặc bạn tình nữ chưa sử dụng biện pháp tránh thai trong 12 tháng qua?

TG24B

- Trying to get pregnant/want a baby 1
- Đang cố gắng có thai/muốn có con
- Haven't found a method I like 2
- Chưa tìm được biện pháp ưa thích
- Cost 3
- Chi phí
- Haven't had time to go in for birth control 4
- Chưa có thời gian để tiến hành biện pháp tránh thai
- No transportation 5
- Không có phương tiện đi lại
- Don't know where to get it 6
- Không biết nơi mua
- Don't believe in birth control 7
- Không tin vào biện pháp tránh thai
- Worried about side effects and/or health risks .. 8
- Lo lắng về tác dụng phụ và/hoặc rủi ro sức khỏe
- Partner won't let me..... 9
- Bạn tình không cho phép
- Forget to use birth control 10
- Quên sử dụng biện pháp tránh thai
- Feel uncomfortable asking for birth control/
talking about birth control 11
- Cảm thấy không thoải mái khi hỏi về tránh
thai/nói chuyện về biện pháp tránh thai
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Pre-Exposure Prophylaxis

PROGRAMMING NOTE 'QT23_G15':

IF 'QT23_A7' = 02 (LESBIAN OR GAY) OR 'QT23_A7' = 06 (BISEXUAL),
OR ['QT23_A4'=1 (MALE AT BIRTH) AND 'QT23_A5'≠1 (IDENTIFY AS NOT MALE)],
OR ['QT23_A4'=2 (FEMALE AT BIRTH) AND 'QT23_A5'≠2 (IDENTIFY AS NOT FEMALE)],
THEN CONTINUE WITH 'QT23_G15';
ELSE SKIP TO 'QT23_G19';
IF 'TP1_BRC' = 3,4 (NO QUESTIONS ON SEXUAL BEHAVIOR) SKIP TO 'QT23_H1';
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_G15'

'QT23_G15' People who do not have HIV can take one pill a day to lower their risk of getting HIV. This is called pre-exposure prophylaxis, or PrEP. The pill is also called Truvada®.

Những người không nhiễm HIV có thể uống một viên mỗi ngày để giảm nguy cơ nhiễm HIV. Điều này được gọi là phòng bệnh trước khi phơi nhiễm, hoặc PrEP. Thuốc này cũng được gọi là Truvada®.

At any time in the past 30 days, have you taken PrEP or Truvada®?

Quý vị có sử dụng thuốc PrEP hoặc Truvada® vào bất kỳ lúc nào trong vòng 30 ngày qua không?

TL44

- Yes..... 1 **[GO TO 'QT23_G19']**
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_G16' In the past 12 months, have you taken any PrEP or Truvada®?

Quý vị có sử dụng bất kỳ loại thuốc PrEP hoặc Truvada® nào trong vòng 12 tháng qua không?

TL45

- Yes..... 1 **[GO TO 'QT23_G19']**
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_G17' Have you ever taken any PrEP or Truvada®?

Quý vị có từng sử dụng bất kỳ thuốc PrEP hoặc Truvada® nào không?

TL46

- Yes..... 1 **[GO TO 'QT23_G19']**
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_G18' Before today, have you ever heard of PrEP or Truvada®?

Trước ngày hôm nay, quý vị có từng nghe nói về thuốc PrEP hoặc Truvada® không?

TL47

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

HIV Testing

'QT23_G19' Have you ever been tested for HIV, the virus that causes AIDS?

Quý vị nghĩ mình là người khác tính luyến ái, hay đồng tính luyến ái nam{nữ}, hay là lưỡng tính luyến ái?

TH31

- Yes..... 1

- Có
- No..... 2 [GO TO 'QT23_H7']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'QT23_H7']

'QT23_G20' For your most recent HIV test, were you offered the test or did you ask for the test?

Đối với xét nghiệm HIV gần đây nhất của quý vị, quý vị được đề nghị xét nghiệm hay quý vị xin được xét nghiệm?

TL48

- I was offered the test 1 [GO TO 'SECTION H']
- I asked for the test 2 [GO TO 'SECTION H']
- I don't remember 3 [GO TO 'SECTION H']
- Other (Specify: _____) 91 [GO TO 'SECTION H']
- REFUSED/DON'T KNOW-3 [GO TO 'SECTION H']

'QT23_G21' Were you ever offered an HIV test?

Quý vị có từng được đề nghị xét nghiệm HIV không?

TL49

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION H: HEALTH CARE UTILIZATION AND ACCESS

Usual Source of Care

'QT23_H1' Now we're going to ask about health care visits.

Bây giờ tôi sẽ hỏi về những lần đi khám sức khỏe.

Is there a place that you usually go to when you are sick or need advice about your health?

Có nơi nào em thường đến khám khi bị bệnh hay cần được chỉ dẫn về sức khỏe không?

TF1

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'PN_QT23_H3']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 [GO TO 'PN_QT23_H3']

'QT23_H2' What kind of place do you go to most often?

Chỗ nào là chỗ em thường đi nhất: văn phòng bác sĩ tư. Bác sĩ của em phòng khám hay phòng khám của bệnh viện, phòng cấp cứu, hay chỗ nào khác?

TF2

- Medical doctor's office 1
- Phòng mạch bác sĩ
- Clinic/Health Center/Hospital clinic 2
- Phòng khám/trung tâm chăm sóc sức khỏe/phòng khám của bệnh viện
- Emergency room 3
- Phòng cấp cứu
- Some other place (Specify: _____) 91
- Nơi nào khác (hãy nêu rõ: _____)
- No one place 94
- Không nơi nào
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Emergency Room Visits

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H3' :

IF 'QT23_B8'=1 OR 'QT23_B13'=1 (ER VISIT DUE TO ASTHMA), MARK 'YES=1' ON 'QT23_H3' AND GO TO 'QT23_H4' ;

ELSE CONTINUE WITH 'QT23_H3'

'QT23_H3' During the past 12 months, did you visit a hospital emergency room for your own health?

Trong 12 tháng qua, em có vào phòng cấp cứu ở bệnh viện vì lý do sức khỏe của mình không?

TF3

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Visits to Medical Doctor

'QT23_H4' During the past 12 months, how many times have you seen a medical doctor?

Trong 12 tháng qua, em đến khám bác sĩ bao nhiêu lần?

TF16

_____ Times [HR: 0-365]
_____ Lần [HR: 0-365]

- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_H5' When was the last time you saw a doctor for a physical exam or check-up?

Lần cuối mà em đi khám bác sĩ hay kiểm tra sức khỏe là lúc nào?

TF5

- 3 months ago or less 1
- 3 tháng trước hoặc ít hơn
- More than 3 months, and up to 6 months ago .. 2
- Hơn 3 tháng cho đến 6 tháng trước
- More than 6 months, and up to 12 months ago 3
- Hơn 6 tháng cho đến 12 tháng trước
- More than 12 months, and up to 2 years ago ... 4
- Hơn 12 tháng cho đến 2 năm trước
- More than 2 years ago 5
- Hơn 2 năm trước
- Never had a physical 0
- Chưa từng đi khám sức khỏe
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Personal Doctor

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H6' :
IF 'QT23_H1' = 1 (YES, HAS USUAL SOURCE OF CARE), CONTINUE WITH 'QT23_H6' ;
ELSE GO TO 'QT23_H7'

'QT23_H6' Do you have a personal doctor or medical provider who is your main provider?

Em có bác sĩ riêng hay người chăm sóc sức khỏe khác là bác sĩ chính của mình không?

This can be a general doctor, a specialist doctor, a physician assistant, a nurse or other health provider.

Đó có thể là bác sĩ tổng quát, bác sĩ chuyên khoa, phụ tá bác sĩ, y tá, hay người chăm sóc sức khỏe khác

TI14

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H7':
IF 'QT23_H6' = 1 (HAS A PERSONAL DOCTOR), THEN DISPLAY "your";
ELSE DISPLAY "a";

'QT23_H7' In the past 12 months, did you try to get an appointment to see {your/a} doctor or medical provider within two days because you were sick or injured?

Trong 12 tháng vừa qua, em có cố gắng lấy hẹn để đến bác sĩ của một bác sĩ hay người chăm sóc sức khỏe khác trong hai ngày vì bị bệnh hoặc thương tích hay không?

Do not include urgent care or emergency care visits. I am only asking about appointments.

Không bao gồm các lần thăm khám chăm sóc khẩn cấp hoặc chăm sóc cấp cứu. Chúng tôi chỉ đang hỏi về các cuộc hẹn.

TH49

- Yes..... 1
- Có
- No 2 **[GO TO 'PN_QT23_H9']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'PN_QT23_H9']**

'QT23_H8' How often were you able to get an appointment within two days? Would you say...

Quý vị có thường xin được hẹn trong vòng hai ngày không? Quý vị sẽ nói là...

TH46

- Never 1
- Chưa bao giờ
- Sometimes 2
- Luôn luôn
- Usually 3
- Thường xuyên
- Always 4
- Luôn luôn
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Care Coordination

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H9':

IF **'QT23_B6'** = 1 (YES, STILL HAVE ASTHMA) OR **'QT23_B7'** = 1 (YES, ASTHMA EPISODE IN PAST 12 MONTHS) AND IF **'QT23_H1'** = 1 (YES, HAS USUAL SOURCE OF CARE), AND IF **'QT23_H6'** = 1 (YES HAS PERSONAL DOCTOR), CONTINUE WITH **'QT23_H9'**; ELSE GO TO **'QT23_H10'**

'QT23_H9' Is there anyone at your doctor's office or clinic who helps coordinate your care with other doctors or services, such as tests or treatments?

Có người nào tại văn phòng của bác sĩ hay bệnh xá giúp phối hợp chăm sóc em với bác sĩ hay dịch vụ khác, như xét nghiệm hay chữa trị không?

TI17

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

Delays in Care

'QT23_H10' During the past 12 months, did you delay or not get a medicine that a doctor prescribed for you?

Trong 12 tháng qua, em có bị chậm trễ hay không nhận được thuốc mà bác sĩ kê toa cho em không?

TI18

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_H14']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_H14']**

'QT23_H11' Did you get the medicine that a doctor prescribed for you eventually?

Cuối cùng thì quý vị đã nhận được loại thuốc mà bác sĩ kê toa cho quý vị chưa?

TH61

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_H12' During the past 12 months, why did you delay or not get a medicine that a doctor prescribed for you?

Trong 12 tháng qua, quý vị có bị trì hoãn hoặc không nhận được một loại thuốc mà bác sĩ kê toa cho quý vị không?

TH62

Select all that apply

- Medication not in stock 1
- Thuốc không có sẵn
- Insurance approval issue..... 2
- Vấn đề phê duyệt bảo hiểm
- Delays in communication with provider or pharmacy 3
- Chậm trễ trong việc liên lạc với nhà cung cấp hoặc nhà thuốc
- Concerns with side effects or interactions with other medications..... 4
- Lo lắng về tác dụng phụ hoặc tương tác với các loại thuốc khác
- Didn't want or thought I didn't need prescription 5
- Không muốn hoặc nghĩ rằng tôi không cần toa thuốc
- Too hard to track all my medications..... 6
- Quá khó để theo dõi tất cả các loại thuốc của tôi
- I forgot or lost prescription 7
- Tôi quên hoặc mất toa thuốc
- I didn't have time..... 8
- Tôi không có thời gian
- I have no insurance 9
- Tôi không có bảo hiểm
- Too expensive 10
- Chi phí quá cao
- Other (Specify: _____) 11
- Khác (Nếu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H13':

IF MORE THAN ONE RESPONSE FROM 'QT23_H12', THEN CONTINUE WITH 'QT23_H13' WITH SELECTED CHOICES FROM 'QT23_H12' DISPLAYED;
ELSE SKIP TO 'QT23_H14'

'QT23_H13' What was the one main reason why you delayed the medicine that a doctor prescribed for you?

Lý do CHÍNH khiến quý vị trì hoãn hoặc không nhận được thuốc mà bác sĩ kê cho quý vị là gì?

TH63

- Medication not in stock 1
- Thuốc không có sẵn
- Insurance approval issue 2
- Vấn đề phê duyệt bảo hiểm
- Delays in communication with provider or pharmacy 3

- Chậm trễ trong việc liên lạc với nhà cung cấp*
- hoặc nhà thuốc*
- Concerns with side effects or interactions with
- other medications..... 4
- Lo lắng về tác dụng phụ hoặc tương tác với các*
- loại thuốc khác*
- Didn't want or thought I didn't need prescription 5
- Không muốn hoặc nghĩ rằng tôi không cần toa*
- thuốc*
- Too hard to track all my medications 6
- Quá khó để theo dõi tất cả các loại thuốc của tôi*
- I forgot or lost prescription 7
- Tôi quên hoặc mất toa thuốc*
- I didn't have time 8
- Tôi không có thời gian*
- I have no insurance 9
- Tôi không có bảo hiểm*
- Too expensive..... 10
- Chi phí quá cao*
- Other (Specify: _____)..... 11
- Khác (Nếu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_H14' During the past 12 months, did you delay or not get any other medical care you felt you needed—such as seeing a doctor, a specialist, or other health professional?

Trong 12 tháng qua, em có trì hoãn hoặc không nhận bất cứ dịch vụ chăm sóc y khoa nào mà em cảm thấy cần thiết không—thí dụ như việc tới khám bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa, hoặc bất cứ chuyên gia y tế nào khác?

TF9

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2 **[GO TO 'QT23_H18']**
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'QT23_H18']**

'QT23_H15' Did you get the care eventually?

Cuối cùng thì em có nhận dịch vụ chăm sóc không?

TH57

- Yes..... 1
- Có*
- No..... 2
- Không*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'QT23_H18']**

'QT23_H16' During the past 12 months, why did you delay or not get the care you felt you needed?

Trong 12 tháng qua, tại sao quý vị lại trì hoãn hoặc không nhận được dịch vụ chăm sóc mà quý vị cảm thấy cần thiết? (Chọn tất cả các câu trả lời phù hợp)

TH60

Select all that apply

- Couldn't get appointment..... 1
- Không sắp xếp được lịch hẹn*
- My insurance was not accepted 2
- Bảo hiểm của tôi không được chấp nhận*
- My insurance did not cover..... 3
- Bảo hiểm của tôi không chi trả*
- Language understanding problems 4

- Vấn đề hiểu ngôn ngữ
- Transportation problems..... 5
- Phương tiện đi lại khó khăn
- Hours were not convenient..... 6
- Giờ giấc không thuận tiện
- There was no child care for children at home ... 7
- Không có dịch vụ chăm sóc trẻ tại gia
- I forgot or lost referral 8
- Tôi đã quên hoặc mất giấy giới thiệu
- I didn't have time to go..... 9
- Tôi đã không có thời gian đến đó
- Too expensive 10
- Chi phí quá cao
- I have no insurance 11
- Tôi không có bảo hiểm
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H17':

IF MORE THAN ONE RESPONSE FROM 'QT23_H16' WITH SELECTED CHOICES FROM 'QT23_H16'
DISPLAYED, THEN CONTINUE WITH 'QT23_H17';
ELSE SKIP TO 'QT23_H18'

'QT23_H17' What was the one main reason why you delayed getting the care you felt you needed?

Một lý do chính khiến em trì hoãn hoặc không nhận dịch vụ chăm sóc mà em cảm thấy cần thiết là gì?

TH59

- Couldn't get appointment 1
- Không sắp xếp được lịch hẹn
- My insurance was not accepted..... 2
- Bảo hiểm của tôi không được chấp nhận
- My insurance did not cover 3
- Bảo hiểm của tôi không chi trả
- Language understanding problems 4
- Vấn đề hiểu ngôn ngữ
- Transportation problems 5
- Phương tiện đi lại khó khăn
- Hours were not convenient 6
- Giờ giấc không thuận tiện
- There was no child care for children at home 7
- Không có dịch vụ chăm sóc trẻ tại gia
- I forgot or lost referral..... 8
- Tôi đã quên hoặc mất giấy giới thiệu
- I didn't have time to go 9
- Tôi đã không có thời gian đến đó
- Too expensive..... 10
- Chi phí quá cao
- I have no insurance..... 11
- Tôi không có bảo hiểm
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Dental Health

'QT23_H18' This next question is about dental health.

Câu hỏi tiếp theo này là về sức khỏe răng miệng.

About how long has it been since you visited a dental provider? (eg, dental hygienists and dentists)

Khoảng bao lâu rồi bạn chưa đến thăm khám nha sĩ hoặc tới phòng khám nha khoa? (ví dụ, các vệ sinh viên nha khoa và nha sĩ)

TF14B

- Have never visited 0
- Chưa từng tới
- 6 months ago or less 1
- 6 tháng trước hoặc ít hơn
- More than 6 months, and up to 1 year 2
- Hơn 6 tháng cho đến 1 năm trước
- More than 1 year, and up to 2 years ago 3
- Hơn 1 đến 2 năm trước
- More than 2 years, and up to 5 years ago 4
- Hơn 2 đến 5 năm trước
- More than 5 years ago 5
- Hơn 5 năm trước
- REFUSED/DON'T KNOW -3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_H19':

IF 'QT23_A8' =1 (ATTENDED SCHOOL LAST WEEK) OR 'QT23_A9' = 1 (ATTENDED SCHOOL LAST YEAR) THEN CONTINUE WITH 'QT23_H19' ;
ELSE GO TO 'SECTION J: DEMOGRAPHIC INFORMATION PART II'

'QT23_H19' During the past 12 months, did you miss any time from school because of a dental problem?
Do not count time missed for cleaning or a check-up.

Trong 12 tháng qua anh/chị có nghỉ học lúc nào vì vấn đề răng không? Không tính thời gian nghỉ học để chà răng và khám răng

TF28

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 **[GO TO 'SECTION J']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 **[GO TO 'SECTION J']**

'QT23_H20' How many days of school did you miss?

Bạn đã nghỉ học bao nhiêu ngày?

TF29

- _____ Days [0-200]
_____ Ngày
- Less than one day 996
 - Chưa tới một ngày
 - REFUSED/DON'T KNOW -3

SECTION J: DEMOGRAPHIC INFORMATION PART II

Race/Ethnicity

'QT23_J1'

So we can be sure we have included all races and ethnic groups in California, we need to ask a few questions about your background.

Are you Latino or Hispanic?

Quý vị có phải là người gốc Latinh hay Tây Ban Nha không?

T11

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'PN_QT23_J3']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'PN_QT23_J3']

'QT23_J2'

And what is your Latino or Hispanic ancestry or origin?

Và tổ tiên hoặc nguồn gốc Latinh và Tây Ban Nha của em cụ thể là gì?

T11A

Select all that apply

- Mexican/Mexican American/Chicano 1
- Người Mễ/Người Mỹ Gốc Mễ/Người Chicano*
- Salvadoran..... 4
- Người El Salvador*
- Guatemalan 5
- Người Guatemala*
- Costa Rican 6
- Người Costa Rica*
- Honduran 7
- Người Honduras*
- Nicaraguan 8
- Người Nicaragua*
- Panamanian..... 9
- Người Panam*
- Puerto Rican 10
- Người Puerto Rico*
- Cuban 11
- Người Cuba*
- Spanish-American (from Spain) 12
- Người Mỹ Gốc Tây Ban Nha (Từ Tây Ban Nha)*
- Other Latino (Specify: _____)..... 91
- Người La Tinh Khác (Hãy Nêu Rõ: __)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J3' :

IF 'QT23_J1' = 1 (YES), DISPLAY "You said you are Latino or Hispanic. Also,";

IF MORE THAN ONE RACE GIVEN, AFTER ENTERING RESPONSES FOR 'QT23_J3', CONTINUE WITH PROGRAMMING NOTE 'QT23_J4' ;

ELSE GO TO SKIPS AS INDICATED FOR SINGLE RESPONSES

'QT23_J3'

{You said you are Latino or Hispanic. Also,} Please tell me which one or more of the following you would use to describe yourself: Would you describe yourself as ...

{Quý vị nói quý vị là Latino hay Hispanic. Cũng} xin cho tôi biết một hay nhiều hơn trong những chủng tộc sau đây quý vị dùng để mô tả mình. Quý vị cho mình là người thổ dân Hawaii, người ở Quần Đảo Thái Bình Dương khác, người thổ dân Mỹ Da Đỏ, thổ dân Alaska,

người Á Châu, Da Đen, người Mỹ gốc Phi Châu, hay Da Trắng?

T12

Select all that apply

- White..... 1
- Người da trắng
- Black or African American 2
- Người da đen hoặc mỹ gốc phi
- Asian 3
- Người châu á
- American Indian or Alaska Native 4
- Thổ dân da đỏ mỹ hoặc người Alaska bản địa
- Pacific Islander 5
- Dân đảo thái bình dương khác
- Native Hawaiian..... 6
- Người hawaii bản địa
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_J13']**

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J4' :

IF 'QT23_J3' = 1 (WHITE), CONTINUE WITH 'QT23_J4';
ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J5'

'QT23_J4'

What are your white origin or origins?

For example, German, Irish, English, Italian, Armenian, Iranian, etc.

Nguồn gốc hoặc những nguồn gốc người Da trắng của bạn là gì?

Ví dụ, người Đức, người Ireland, người Anh, người Ý, người Armenia, người Iran, v.v

T12H

- (Specify: _____)..... 1
- (Nêu rõ:: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J5' :

IF 'QT23_J3'= 2(BLACK OR AFRICAN AMERICAN), CONTINUE WITH 'QT23_J5';
ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J6'

'QT23_J5'

What are your Black origin or origins?

For example, African American, Nigerian, Ethiopian, Jamaican, Haitian, Ghanaian, etc.

Nguồn gốc hoặc những nguồn gốc người Da đen của bạn là gì?

Ví dụ, người Mỹ gốc Phi, người Nigeria, người Ethiopia, người Jamaica, người Haiti, người Ghana, v.v.

T12I

- (Specify: _____)..... 1
- (Nêu rõ:: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J6' :

IF 'QT23_J3' = 4 (AMERICAN INDIAN, ALASKA NATIVE) CONTINUE WITH 'QT23_J6' ;
ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J9'

'QT23_J6'

You said, American Indian or Alaska Native, and what is your tribal heritage? If you have more than one tribe, tell me all of them.

Quý vị cho biết là người thổ dân Mỹ Da Đỏ hay thổ dân Alaska, vậy gốc bộ lạc của quý vị là gì? Nếu có nguồn gốc từ nhiều hơn một bộ lạc, xin cho biết tất cả

T12A

Select all that apply

- Apache..... 1
- Apache
- Blackfoot/Blackfeet 2
- Blackfoot/Blackfeet
- Cherokee 3
- Cherokee
- Choctaw 4
- Choctaw
- Mexican American Indian 5
- Thổ Dân Da Đỏ Mỹ Gốc Mẹ
- Navajo..... 6
- Navajo
- Pomo..... 7
- Pomo
- Pueblo..... 8
- Pueblo
- Sioux 9
- Sioux
- Yaqui..... 10
- Yaqui
- Other tribe (Specify: _____) 91
- Bộ Lạc Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_J7'

Are you an enrolled member in a federally or state recognized tribe?

Em có phải là thành viên chính thức của một bộ lạc được chính quyền liên bang hay tiểu bang công nhận không?

T12B

- Yes..... 1
- No 2
- REFUSED/DON'T KNOW-3

[GO TO 'PN_QT23_J9']
[GO TO 'PN_QT23_J9']

'QT23_J8'

Which tribe are you enrolled in?

Quý vị thuộc bộ lạc nào?

T12C

APACHE

- Mescalero Apache, NM 1
- Mescalero Apache, NM
- Apache (not specified)..... 2
- Apache (Không Xác Định)
- Other Apache (Specify: _____) 91
- Apache Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)

BLACKFEET

- Blackfoot/Blackfeet 3
- Blackfoot/Blackfeet

CHEROKEE

- Western Cherokee..... 4
- Cherokee Phương Tây
- Cherokee (not specified) 5
- Cherokee (Không Xác Định)
- Other Cherokee (Specify: _____) 92
- Cherokee Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)

CHOCTAW

- Choctaw Oklahoma 6
- Choctaw Oklahoma*
- Choctaw (not specified)..... 7
- Choctaw (Không Xác Định)
- Other Choctaw (Specify: _____) 93
- Choctaw Khác (Hãy Nêu Rõ:: _____)*

- NAVAJO
- Navajo (not specified)..... 8
- Navajo (Không Xác Định)*

- POMO
- Hopland Band, Hopland Rancheria..... 9
- Hopland Band, Hopland Rancheria*
- Sherwood Valley Rancheria 10
- Sherwood Valley Rancheria*
- Pomo (not specified)..... 11
- Pomo (Không Xác Định)*
- Other Pomo (Specify: _____)..... 94
- Pomo Khác (Hãy Nêu Rõ:: _____)*

- PUEBLO
- Hopi 12
- Hopi*
- Ysleta del Sur Pueblo of Texas 13
- Ysleta del Sur Pueblo tại Texas*
- Pueblo (not specified)..... 14
- Pueblo (Không Xác Định)*
- Other Pueblo (Specify: _____)..... 94
- Pueblo Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)*

- SIOUX
- Oglala/PINE RIDGE Sioux 15
- Oglala/Pine Ridge Sioux*
- Sioux (not specified)..... 16
- Sioux (Không Xác Định)*
- Other Sioux (Specify: _____) 96
- Sioux Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)*

- YAQUI
- Pascua Yaqui Tribe of Arizona..... 17
- Bộ lạc Pascua Yaqui tại Arizona*
- Yaqui (not specified)..... 18
- Yaqui (Không Xác Định)*
- Other Yaqui (Specify: _____) 97
- Yaqui Khác (Hãy Nêu Rõ:: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J9' :
 IF 'QT23_J3' = 3 (ASIAN) CONTINUE WITH 'QT23_J9' ;
 ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J10'

'QT23_J9' You said Asian, and what specific ethnic group are you, such as Chinese, Filipino, Vietnamese? If you are more than one, tell me all of them.

Quý vị nói là người Á châu, vậy nói rõ hơn quý vị thuộc dân tộc nào, chẳng hạn như Trung Hoa, Phi lip pin, hay Việt Nam? Nếu quý vị thuộc nhiều hơn một dân tộc, xin cho tôi biết tất cả.

T12D

Select all that apply

- Bangladeshi 1
- Người Bangladesh*
- Burmese 2
- Người Miến Điện*
- Cambodian 3
- Người Campuchia*
- Chinese 4
- Người Trung Quốc*
- Filipino 5
- Người Philippines*
- Hmong 6
- Người H'mong*
- Indian (India) 7
- Người Ấn (Ấn Độ)*
- Indonesian 8
- Người Indonesia*
- Japanese 9
- Người Nhật*
- Korean 10
- Người Hàn*
- Laotian 11
- Người Lào*
- Malaysian 12
- Người Mã Lai*
- Pakistani 13
- Người Pakistan*
- Sri Lankan 14
- Người Sri Lanka*
- Taiwanese 15
- Người Đài Loan*
- Thai 16
- Người Thái*
- Vietnamese 17
- Người Việt nam*
- Other Asian (Specify: _____) 91
- Người Châu Á khác (Nếu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW -3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J10' :

IF 'QT23_J3' = 5 (PACIFIC ISLANDER) CONTINUE WITH 'QT23_J10' ;
ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J11'

'QT23_J10' You said you are Pacific Islander. What specific ethnic group are you, such as Samoan, Tongan, or Guamanian? If you are more than one, tell me all of them.

Quý vị nói rằng mình là người ở Quần Đảo Thái Bình Dương. Xin nói rõ hơn quý vị có thuộc dân tộc đặc biệt nào, như người Samoa, người Tongan, hay người Guam? Nếu quý vị thuộc nhiều hơn một dân tộc, xin cho tôi biết tất cả.

TI2D1

Select all that apply

- Samoan/American Samoan 1
- Người Samoa/Người Samoa Thuộc Mỹ*
- Guamanian 2
- Người Guamania*
- Tongan 3
- Người Tonga*
- Fijian 4
- Người Fiji*
- Other Pacific Islander (Specify: _____) 91

- Dân Đảo Thái Bình Dương Khác
(Hãy Nêu Rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J11' :

IF 'QT23_J1' = 1 (YES, LATINO) AND ['QT23_J3' = 6 (NATIVE HAWAIIAN) OR 5 (OTHER PACIFIC ISLANDER) OR 4 (AMERICAN INDIAN OR ALASKA NATIVE) OR 3 (ASIAN) OR 2 (BLACK OR AFRICAN AMERICAN) OR 1 (WHITE) OR 91 (OTHER (Specify))], CONTINUE WITH 'QT23_J11' ;
 ELSE IF MULTIPLE RESPONSES TO 'QT23_J3' OR 'QT23_J9' OR 'QT23_J10' [NOT COUNTING -7 OR -8 (REF/DK)], CONTINUE WITH 'QT23_J11' ;
 ELSE GO TO 'QT23_J13' ;
 FOR 'QT23_J2' RESPONSES, INCLUDE "Specify" RESPONSE FOR 91 (OTHER LATINO);
 IF 'QT23_J1' = -7 (REFUSE), INSERT "Latino"

'QT23_J11' You said that you are: [RESPONSES FROM TI1A, TI2, TI2D, TI2D1]. Do you identify with any one race in particular?

Quý vị nói quý vị là: {INSERT MULTIPLE RESPONSES FROM QA15_A7, QA15_A8, QA15_A12 AND QA15_A13}. Quý vị có thuộc chủng tộc riêng biệt nào không?

TI2F

- Yes..... 1
- No 2 **[GO TO 'QT23_J13']**
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3 **[GO TO 'QT23_J13']**

'QT23_J12' Which do you most identify with?

Điều nào em thấy gần với mình nhất?

TI2E

- Mexican/Mexican American/Chicano..... 1
- Người Mễ/Người Mỹ Gốc Mễ/Người Chicano
- Salvadoran 4
- Người El Salvador
- Guatemalan..... 5
- Người Guatemala
- Costa Rican..... 6
- Người Costa Rica
- Honduran 7
- Người Honduras
- Nicaraguan..... 8
- Người Nicaragua
- Panamanian 9
- Người Panam
- Puerto Rican 10
- Người Puerto Rico
- Cuban..... 11
- Người Cuba
- Spanish-American (from Spain)..... 12
- Người Mỹ Gốc Tây Ban Nha (Từ Tây Ban Nha)
- Other Latino (Specify: _____) 91
- Người La Tinh Khác (Hãy Nêu Rõ: __)
- Latino 14
- Native Hawaiian 16
- Người hawaii bản địa
- Other Pacific Islander..... 17
- American Indian or Alaska Native..... 18
- Thổ dân da đỏ mỹ hoặc người Alaska bản địa
- Asian 3
- Người châu á
- Black or African American..... 20

- Người da đen hoặc mỹ gốc phi*
- White 21
- Người da trắng*
- Race, Other Specify 22
- Khác (Hãy nêu rõ: _____)*
- Bangladeshi 1
- Người Bangladesh*
- Burmese 2
- Người Miến Điện*
- Cambodian 3
- Người Campuchia*
- Chinese 4
- Người Trung Quốc*
- Filipino 5
- Người Philippines*
- Hmong 6
- Người H'mong*
- Indian (India) 7
- Người Ấn (Ấn Độ)*
- Indonesian 8
- Người Indonesia*
- Japanese 9
- Người Nhật*
- Korean 10
- Người Hàn*
- Laotian 11
- Người Lào*
- Malaysian 12
- Người Mã Lai*
- Pakistani 13
- Người Pakistan*
- Sri Lankan 14
- Người Sri Lanka*
- Taiwanese 15
- Người Đài Loan*
- Thai 16
- Người Thái*
- Vietnamese 17
- Người Việt nam*
- Other Asian (Specify: _____) 91
- Người Châu Á khác (Nêu rõ: _____)*
- Samoan/American Samoan 1
- Người Samoa/Người Samoa Thuộc Mỹ*
- Guamanian 2
- Người Guamania*
- Tongan 3
- Người Tonga*
- Fijian 4
- Người Fiji*
- Other Pacific Islander (Specify: _____) 91
- Dân Đảo Thái Bình Dương Khác*
- (Hãy Nêu Rõ: _____)*
- Both/All/Multiracial 90
- Cả hai/tất cả/đa chủng tộc*
- None of these 95
- Không chủng tộc nào ở trên*
- REFUSED/DON'T KNOW -3

Country of Birth

'QT23_J13' In what country were you born?

Em sinh ra tại quốc gia nào?

T13

- United States.....1
- Mỹ
- American Samoa 2
- Samoa Thuộc Mỹ
- Canada 3
- Canada
- China 4
- Trung Quốc
- Guam 9
- Đảo Guam
- Japan 16
- Nhật Bản
- Korea..... 17
- Hàn Quốc
- Mexico 18
- Mexico
- Philippines..... 19
- Philippines
- Puerto Rico 22
- Puerto Rico
- Vietnam 25
- Việt Nam
- Virgin Islands 26
- Quần Đảo Virgin
- Other (Specify: _____) 91
- Khác (Hãy Nêu Rõ: _____)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Citizenship, Immigration Status, Years in the US

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J14' :
 IF 'QT23_J13' = 1, 9, 22, OR 26 (BORN IN USA OR US TERRITORY), CODE T14=1 AND GO TO
 'QT23_J17' ;
 ELSE CONTINUE WITH 'QT23_J14'

'QT23_J14' Are you a citizen of the United States?

Quý vị có là công dân Hoa Kỳ không?

T14

- Yes..... 1 **[GO TO 'QT23_J16']**
- Có
- No..... 2
- Không
- Application pending 3
- Đơn đang chờ xét duyệt
- REFUSED/DON'T KNOW-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_J15' :
 IF 'QT23_J13' = 2 (AMERICAN SAMOA), GO TO PROGRAMMING NOTE 'QT23_J17';
 ELSE GONTINUE WITH 'QT23_J15'

'QT23_J15' Are you a permanent resident with a green card?

People usually call this a "Green Card" but the color can also be pink, blue, or white.

Quý vị có phải là thường trú nhân có thẻ xanh không? Câu trả lời của quý vị sẽ được giữ kín và sẽ không bị báo đến cho Sở Di Trú Hoa Kỳ.

Người ta thường gọi thẻ này là ‘thẻ xanh’ nhưng có khi thẻ có màu hồng, màu xanh da trời, hay màu trắng.’

T15

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- Application pending 3
- Đơn đang chờ xét duyệt
- REFUSED/DON'T KNOW-3

‘QT23_J16’ About how many years have you lived in the United States?

Quý vị đã sống tại Hoa Kỳ khoảng bao nhiêu năm rồi?

T16

- _____ Number of years
- _____ Số Năm
- _____ Year (First came to live in US.)
- _____ Năm (Năm đầu tiên đến sống ở mỹ)
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Language Spoken at Home

‘QT23_J17’ What languages do you speak at home?

Em đã sống tại Hoa Kỳ được khoảng bao nhiêu năm?

T17

Select all that apply

- English 1
- Tiếng Anh
- Spanish 2
- Tiếng Tây Ban Nha
- Cantonese 3
- Tiếng Quảng Đông
- Vietnamese 4
- Tiếng Việt
- Tagalog 5
- Tiếng Tagalog
- Mandarin 6
- Tiếng Quan Thoại
- Korean 7
- Tiếng Hàn
- Asian Indian languages (including Hindi, Punjabi, Urdu) 8
- Tiếng Thổ Dân Châu Á
- Russian 9
- Tiếng Nga
- Japanese 12
- Tiếng Nhật
- French 14
- Tiếng Pháp
- German 15
- Tiếng Đức
- Farsi 18

- Tiếng Ba Tư*
- Armenian 19
- Tiếng Armenia*
- Arabic..... 20
- Tiếng Ả rập*
- Other 1 (Specify: _____) 91
- Khác 1 (Hãy nêu rõ: _____)*
- Other 2 (Specify: _____) 92
- Khác2 (Hãy nêu rõ: _____)*
- REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION Q: ADVERSE CHILDHOOD EXPERIENCES

Past ACEs Assessment

'QT23_Q1'

ACESINTRO2

Adverse Childhood Experiences are stressful or traumatic events experienced from birth through the age of 18 and relate to categories of child abuse, neglect, and/or household challenges. Medical professionals, including doctors, nurse practitioners, midwives, psychologists, and others, can perform Adverse Childhood Experiences assessments.

Trải nghiệm tổn thương thời thơ ấu là những sự kiện căng thẳng hoặc sang chấn tâm lý mà một người trải qua từ khi sinh ra đến lúc 18 tuổi và liên quan đến các loại lạm dụng, bỏ bê trẻ em và/hoặc các biến cố trong gia đình. Các chuyên gia y tế, bao gồm bác sĩ, y tá cấp cao, nữ hộ sinh, nhà tâm lý học và những người khác là những người có thể thực hiện đánh giá Trải nghiệm tổn thương thời thơ ấu.

'QT23_Q2'

Have you heard the term Adverse Childhood Experiences or ACEs before?

Bạn đã từng nghe nói đến thuật ngữ Trải Nghiệm Tổn Thương Thời Thơ Ấu hay còn gọi là ACE trước đây chưa?

TQ20

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q3'

Have you ever completed an assessment of your own history of Adverse Childhood Experiences with a medical health or mental health professional?

Bạn đã từng hoàn thành bản đánh giá về tiền sử các trải nghiệm tổn thương thời ấu của chính mình với một chuyên gia sức khỏe thể chất hoặc sức khỏe tâm thần chưa?

TQ17

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_Q4':

IF RESPONSE TO PREVIOUS QUESTION= 1 CONTINUE;
ELSE SKIP TO 'QT23_Q5'

'QT23_Q4'

When your provider reviewed your responses to the ACEs screener did they discuss your strengths, resilience or positive experiences in your life?

Khi nhà cung cấp của bạn xem xét các câu trả lời của bạn cho các Câu Hỏi Sàng Lọc về ACE, họ có thảo luận về điểm mạnh, khả năng phục hồi hoặc trải nghiệm tích cực trong cuộc sống của bạn không?

TQ21

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

ACES Screener

Introduction: The following questions refer to experiences at any point in your life, including the present
Những câu hỏi sau đề cập đến trải nghiệm ở bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời bạn, kể cả hiện tại

'QT23_Q5' Have you ever lived with anyone who was mentally ill or suicidal, or severely depressed for more than a couple of weeks?

Bạn đã bao giờ sống với bất kỳ người nào bị bệnh tâm thần hoặc có ý muốn tự tử, hoặc bị trầm cảm nặng lâu hơn một vài tuần chưa?

TQ1

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q6' Have you ever lived with anyone who had a problem with alcohol or drugs?

Bạn đã từng sống với bất kỳ ai có vấn đề về bia rượu hoặc ma túy chưa?

TQ2

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q7' Have you ever lived with a parent or guardian who served time in jail or prison after you were born?

Bạn đã từng sống với bố hay mẹ hoặc người giám hộ đã từng ngồi tù sau khi bạn được sinh ra chưa?

TQ3

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q8' Have you ever lived with a parent or guardian who got divorced or separated after you were born?

Bạn đã bao giờ sống với bố hay mẹ hoặc người giám hộ đã ly hôn hoặc ly thân sau khi bạn được sinh ra chưa?

TQ4

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Parents not married..... 3
- Cha mẹ không kết hôn
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q9' Have you ever seen or heard your parents, guardians, or any other adults in your home slap, hit, kick, punch, or beat each other up?

Bạn đã bao giờ nhìn thấy hoặc nghe thấy cha mẹ, người giám hộ hoặc bất kỳ người lớn nào khác trong nhà bạn tát, đánh, đá, đấm hay đánh đập nhau chưa?

TQ5

- Never..... 1
- Không bao giờ

- Once..... 2
- Một lần
- More than once..... 3
- Nhiều hơn một lần
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_Q10' Have you ever been the victim of violence or witness any violence in your neighborhood?

Bạn đã bao giờ từng là nạn nhân của bạo lực hoặc chứng kiến bất kỳ hành vi bạo lực nào trong khu phố của mình chưa?

TQ6

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_Q11' Have you ever been treated or judged unfairly because of your race or ethnic group?

Bạn đã bao giờ bị đối xử hoặc đánh giá bất công vì chủng tộc hoặc nhóm dân tộc của mình chưa?

TQ7

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_Q12' Have you ever lived with a parent or guardian who died?

Bạn có từng sống với bố hay mẹ hoặc người giám hộ đã qua đời rồi không?

TQ8

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_Q13' In your lifetime, how often was it very hard to get by on your family's income, for example, it was hard to cover the basics like food or housing? Would you say very often, somewhat often, not very often, or never?

Trong đời mình, mức độ thường xuyên mà bạn thấy việc xoay sở để sống bằng thu nhập của gia đình là rất khó khăn, chẳng hạn như khó mà trang trải những thứ cơ bản như thực phẩm hoặc nhà ở, là như thế nào?

TQ9

- Very often 1
- Rất thường xuyên
- Somewhat often..... 2
- Có phần thường xuyên
- Not very often 3
- Không quá thường xuyên
- Never 4
- Không bao giờ
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Positive Childhood Experiences

'QT23_Q14' In your lifetime, have you seen or been present when the following experiences happened? Please include past and present experiences. Until now, how often have you...
Trong đời mình, có lúc nào bạn từng chứng kiến hoặc có mặt khi những trải nghiệm sau đây xảy ra chưa? Vui tính cả các trải nghiệm trong quá khứ lẫn hiện tại. Cho đến bây giờ, mức độ thường xuyên bạn..

Felt able to talk to family about feelings?

Cảm thấy có thể nói chuyện với gia đình về những cảm xúc?

TQ10

- All of the time..... 1
- Luôn luôn*
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc*
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng*
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào*
- Never..... 5
- Không bao giờ*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q15' {How often have you..} Felt family stood by you during difficult times?

Mức độ thường xuyên mà bạn..} cảm thấy gia đình đã sát cánh bên bạn trong những khoảng thời gian khó khăn?

TQ11

- All of the time..... 1
- Luôn luôn*
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc*
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng*
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào*
- Never..... 5
- Không bao giờ*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q16' {How often have you...} Felt safe and protected by an adult in your home?

Mức độ thường xuyên mà bạn..} Cảm thấy an toàn và được người lớn trong gia đình bảo vệ?

TQ12

- All of the time..... 1
- Luôn luôn*
- Most of the time..... 2
- Hầu hết mọi lúc*
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng*
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào*
- Never..... 5
- Không bao giờ*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q17' {How often have you...} Had at least 2 non-parent adults who took genuine interest?

Mức độ thường xuyên mà bạn..} Được ít nhất 2 người lớn không phải cha mẹ mình quan tâm

thực sự?

TQ13

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào
- Never..... 5
- Không bao giờ
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q18' {How often have you...} Felt supported by friends?

Mức độ thường xuyên mà bạn...} Cảm thấy được bạn bè hỗ trợ?

TQ14

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào
- Never..... 5
- Không bao giờ
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q19' {How often have you...} Felt a sense of belonging at school?

Mức độ thường xuyên mà bạn...} Có cảm giác thân thuộc khi đi học?

TQ15

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào
- Never..... 5
- Không bao giờ
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_Q20' {How often have you...} Enjoyed participating in community traditions?

Mức độ thường xuyên mà bạn...} Thích tham gia vào các hoạt động truyền thống của cộng đồng?

TQ16

- All of the time..... 1
- Luôn luôn
- Most of the time 2
- Hầu hết mọi lúc
- Some of the time..... 3
- Thỉnh thoảng
- A little of the time..... 4
- Chút ít nào

- Never..... 5
- Không bao giờ*
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

SECTION K: SUICIDE IDEATION AND ATTEMPTS

'QT23_K1' The next section is about thoughts of hurting yourself. Again, if any question upsets you, you don't have to answer it.

Phần tiếp theo hỏi về suy nghĩ tự làm tổn thương chính mình. Xin nhắc lại, quý vị không cần phải trả lời bất cứ câu hỏi nào làm quý vị đau buồn.

Have you ever seriously thought about committing suicide?

Có bao giờ quý vị thật tâm nghĩ đến việc tự tử không?

TK1

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO SECTION L]
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO SECTION L]

'QT23_K2' Have you seriously thought about committing suicide at any time in the past 12 months?

Quý vị có bao giờ thật tâm nghĩ đến việc tự tử vào bất cứ lúc nào trong 12 tháng qua không?

TK2

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2 [GO TO 'QT23_K4']
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3 [GO TO 'QT23_K4']

'QT23_K3' Have you seriously thought about committing suicide at any time in the past two months?

Quý vị có bao giờ tìm cách tự tử hay không?

TK3

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_K4' Have you ever attempted suicide?

Quý vị có bao giờ tìm cách tự tử hay không?

TK4

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_K5' :

IF ('QT23_K2' = 2, -3) AND ('QT23_K4' = 2, -3), THEN GO TO 'QT23_K6';
IF ('QT23_K3' = 2, -3) AND ('QT23_K4' = 2, -3), THEN GO TO 'QT23_K6';
IF 'QT23_K3' = 1 AND ('QT23_K4' = 2, -3), THEN GO TO 'QT23_K6';
ELSE CONTINUE WITH 'QT23_K5'

'QT23_K5' Have you attempted suicide at any time in the past 12 months?

Quý vị có tìm cách tự tử vào bất cứ lúc nào trong 12 tháng qua không?

TK5

- Yes..... 1

- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_K6'

SUICIDE RESOURCE

You can call 988 to speak with someone about your suicidal thoughts or attempts. 988 is a free and confidential service that is available 24 hours a day, seven days a week. You can also visit 988lifeline.org to chat online or find information about getting help.

Bạn có thể gọi tới số 988 để nói chuyện với ai đó về những suy nghĩ hoặc ý định tự tử của mình. 988 là dịch vụ miễn phí và bảo mật, luôn có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày, bảy ngày mỗi tuần. Quý vị cũng có thể truy cập 988lifeline.org để trò chuyện qua mạng hoặc tìm hiểu thông tin về cách để được giúp đỡ.

SECTION L: CIVIC ENGAGEMENT AND RESILIENCY

Community Involvement

'QT23_L1' This next section is about involvement in your community. In the past 12 months, have you volunteered to organize or lead efforts to help solve problems in your community?

Trong 12 tháng qua, quý vị có tình nguyện tổ chức hoặc lãnh đạo các nỗ lực để giúp giải quyết các vấn đề trong cộng đồng mình không?

TL50

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_L2' In the past 12 months, did you participate in any clubs or organizations outside of school, other than sports, like YMCA or Boys and Girls Club?

Trong 12 tháng vừa qua, quý vị có tham gia vào câu lạc bộ hoặc cơ quan nào ở ngoài trường, ngoài vấn đề thể thao, như YMCA hay Câu Lạc Bộ Con Trai hoặc Con Gái không?

TL10

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

'QT23_L3' Imagine that you find out about a problem in your community and you want to do something about it. For example, illegal drugs were being sold near a school, or high levels of lead were found in the local drinking water.

Hãy tưởng tượng rằng quý vị biết được một vấn đề nào đó trong cộng đồng mình và quý vị muốn làm gì đó để giải quyết. Ví dụ: các loại thuốc bất hợp pháp đang được bán gần trường học hoặc phát hiện hàm lượng chì cao trong nguồn nước uống tại địa phương.

Do you think you could express your views in front of a group of people?

Quý vị có nghĩ rằng mình có thể bày tỏ quan điểm cá nhân trước một nhóm người không?

TL52

- Definitely could not 1
- Chắc chắn là không
- Probably could not..... 2
- Có thể là không
- Maybe could 3
- Có lẽ là có
- Probably could..... 4
- Có thể là có
- Definitely could 5
- Chắc chắn là có
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_L4' Do you think you could contact an elected official or someone else in government who represents your community?

Quý vị có nghĩ rằng mình có thể liên hệ với một quan chức được bầu hoặc một người nào khác trong chính phủ đại diện cho cộng đồng quý vị không?

TL53

- Definitely could not 1

- Chắc chắn là không
- Probably could not..... 2
- Có thể là không
- Maybe could 3
- Có lẽ là có
- Probably could 4
- Có thể là có
- Definitely could 5
- Chắc chắn là có
- REFUSED/DON'T KNOW-3

Voting Attitudes

'QT23_L5' How much do you agree or disagree with this statement?

"The way people vote gives them a chance to influence how things are run in their community and California."

Xin hỏi bạn đồng ý hay không đồng ý với nhận định này ở mức độ nào?

"Cách mọi người bỏ phiếu bầu tạo cơ hội cho họ ảnh hưởng đến cách vận hành công việc trong cộng đồng của họ và ở California."

TL54

- Strongly agree 1
- Hoàn toàn đồng ý
- Somewhat agree 2
- Khá đồng ý
- Neither agree nor disagree..... 3
- Không có ý kiến
- Somewhat disagree..... 4
- Khá không đồng ý
- Strongly disagree..... 5
- Hoàn toàn không đồng ý
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_L6' How likely are you to go to college?

Khả năng bạn sẽ đi học đại học là như thế nào?

TL63

- Very likely 1
- Rất có khả năng
- Somewhat likely..... 2
- Phần nào có khả năng
- Not very likely 3
- Không có nhiều khả năng
- Not at all likely 4
- Hoàn toàn không có khả năng
- REFUSED/DON'T KNOW-3

'QT23_L7' How has the COVID pandemic influenced your plans for college?

Đại dịch COVID đã ảnh hưởng đến kế hoạch học đại học của bạn như thế nào?

TL64

- I am more likely to attend college or community college 1
- Tôi có nhiều khả năng học đại học hoặc cao đẳng cộng đồng
- I am less likely to attend college or community college 2
- Tôi ít có khả năng học đại học hoặc cao đẳng

- cộng đồng*
- No change 3
 - Không có gì thay đổi*
 - REFUSED/DON'T KNOW-3

SECTION M: CLOSING

Follow Up and Close

'QT23_M1' Those are my final questions. We appreciate your time and cooperation. Finally, do you think you would be willing to do a follow-up to this survey sometime in the future?

Đó là những câu hỏi cuối cùng của tôi. Cảm ơn em đã dành thời gian và hợp tác với tôi. Cuối cùng, em có nghĩ rằng em sẵn lòng tham gia tiếp vào cuộc khảo sát này trong tương lai không?

TI10

- Yes..... 1
- Có
- No..... 2
- Không
- REFUSED/DON'T KNOW.....-3

PROGRAMMING NOTE 'QT23_M2':

[IF 'QT23_K3'=1 OR ('QT23_K3'=2,-3 AND 'QT23_K5'=1)], CONTINUE WITH 'QT23_M2';
ELSE GO TO 'QT23_M3'

SUICIDE RESOURCE 2:

'QT23_M2'

TM4

Again, you can call 988 to speak with someone about your suicidal thoughts or attempts. It is a free and confidential service that is available 24 hours a day, seven days a week. You can also visit 988lifeline.org to chat online or find information about getting help.

Xin nhắc lại, bạn có thể gọi đến 988 để nói chuyện với ai đó về những suy nghĩ hoặc ý định tự tử của mình. Đó là dịch vụ miễn phí và bảo mật, luôn có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày, bảy ngày mỗi tuần.

Quý vị cũng có thể truy cập 988lifeline.org để trò chuyện qua mạng hoặc tìm hiểu thông tin về cách để được giúp đỡ.

'QT23_M3'

CLOSE

Thank you. You have helped with a very important health survey. If you have any questions, you can contact Dr. Ponce, who heads the study.

Dr. Ponce can be reached toll-free at 1-866-275-2447.